ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC PHẦN 1

Câu 1. Mục đích chính của môn học GDQPAN là gì?

A. Tăng cường văn hóa dân tộc

B. Bảo vệ lãnh thổ quốc gia

C. Bồi dưỡng phẩm chất và năng lực trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc

D. Phát triển kinh tế - xã hội

Câu 2. Mục tiêu chính của nghiên cứu trong môn học GDQPAN là gì?

A. Nghiên cứu về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDQPAN

B. Nghiên cứu quá trình hình thành, vận động, phát triển GDQPAN

C. Nghiên cứu về sự chống phá của các thế lực thù địch đối với HSSV

D. Nghiên cứu những vấn đề về đảm bảo cơ sở vật chất cho GDQPAN

Câu 3. Môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh có vai trò gì đối với học sinh, sinh viên?

A. Đào tạo cán bộ văn hóa và xã hội

B. Xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên

C. Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật

D. Phát triển kỹ năng sáng tạo và nghiên cứu

Câu 4. Tại sao nói: “Nghiên cứu tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội… là đối tượng nghiên cứu của GDQPAN”?

A. Để phân tích vấn đề về cơ sở vật chất cho GDQPAN

B. Để xác định chính sách và đường lối phát triển GDQPAN

C. Để chống lại các thế lực thù địch trong xã hội

D. Để tối ưu hóa việc kiểm tra và đánh giá môn GDQPAN

[<br>]

Câu 5. Một trong những đối tượng nghiên cứu của môn học GDQPAN là gì?

A. Quá trình hình thành, vận động phát triển GDQPAN

B. Mối quan hệ hữu cơ tác động lẫn nhau giữa các yếu tố của quá trình tổng thể GDQPAN

C. Mối quan hệ tác động của tình hình xã hội đối với quá trình GDQPAN

D. Những vấn đề về đảm bảo cơ sở vật chất cho GDQPAN

[<br>]

Câu 6. Mục tiêu chính của nghiên cứu về công tác quốc phòng, an ninh là gì?

A. Tăng cường tiềm lực quốc phòng

B. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

C. Phòng chống chiến tranh công nghệ cao

D. Đánh bại chiến lược ”diễn biến hòa bình”

[<br>]

Câu 7. Theo quy định của Nhà nước, những ai có trách nhiệm tham gia công tác giáo dục quốc phòng an ninh?

A. Chỉ nhân viên quân đội

B. Chỉ cán bộ chính trị

C. Mọi công dân, trong đó có đội ngũ trí thức trẻ

D. Chỉ cán bộ cấp cao

[<br>]

Câu 8. Tìm câu ĐÚNG khi nói, “Công tác quốc phòng, an ninh giúp xây dựng lòng tin chiến thắng…”?

A. Trước bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch

B. Trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù

C. Trước chiến tranh công nghệ cao

D. Trước việc phòng, chống tội phạm

Câu 17. Môn học nào thể hiện rõ đường lối quốc phòng – an ninh của Đảng và được thể chế hoá bằng các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước?

A. Giáo dục quốc phòng - an ninh B. Toán học

C. Hóa học D. Sinh học

[<br>]

Câu 18. Môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh góp phần xây dựng, rèn luyện những yếu tố nào sau đây?

A. Ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong khoa học

B. Năng lực nấu ăn và học văn

C. Kỹ năng vẽ tranh và thể dục

D. Kỹ năng làm công thức toán học

[<br>]

Câu 19. Môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh nằm trong nhóm môn học chung và có tỉ lệ lý thuyết chiếm bao nhiêu phần trăm chương trình môn học?

A. Trên 80% B. Trên 50% C. Trên 30% D. Trên 70%

[<br>]

Câu 20. Chương trình GDQPAN trình độ đại học, cao đẳng hiện nay được ban hành kèm theo theo văn bản nào?

A. Thông tư số 31/2012/TT – BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

B. Thông tư số 03/2017/TT- BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

C. Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

D. Thông tư số 10/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

[<br>]

Câu 21. Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học gồm:

A. Tổng cộng 165 tiết và chia làm 4 Học phần

B. Tổng cộng 185 tiết và chia làm 4 Học phần

C. Tổng cộng 175 tiết và chia làm 4 Học phần

D. Tổng cộng 165 tiết và chia làm 3 Học phần

[<br>]

Câu 22. Học phần nào trong Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh có tổng số tiết lý thuyết lớn nhất?

A. Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản VN

B. Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh

C. Học phần III: Quân sự chung

D. Học phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

[<br>]

Câu 23. Sinh viên hệ đại học, học tổng cộng bao nhiêu tiết trong chương trình môn học GDQPAN hiện nay?

A. 105 tiết B. 120 tiết C. 135 tiết D. 165 tiết

[<br>]

Câu 24. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho môn học GDQPAN phải bảo đảm theo tiêu chuẩn nào?

A. Tiêu chuẩn của Nhà trường

B. Tiêu chuẩn tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định

C. Tiêu chuẩn của cơ sở giáo dục quốc phòng

D. Tiêu chuẩn của trung tâm giáo dục quốc phòng sinh viên

[<br>]

Câu 25. Cơ quan nào chịu trách nhiệm ban hành giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh cho các trường đại học, cao đẳng?

A. Bộ Quốc phòng B. Bộ Giáo dục và Đào tạo

C. Bộ Giáo dục quốc phòng D. Bộ Nội vụ

[<br>]

Câu 26. Điểm kết thúc học phần môn học GDQPAN được tính như thế nào?

A. (Điểm thi cuối HP) × 40% + (Điểm KT giữa HP) × 60%

B. (Điểm KT giữa HP) × 60% + (Điểm thi cuối HP) × 40%

C. (Điểm thi cuối HP) × 50% + (Điểm KT giữa HP) × 50%

D. (Điểm KT giữa HP) × 70% + (Điểm thi cuối HP) × 30%

[<br>]

Câu 27. Công thức tính điểm môn học Giáo dục QPAN đối với trình độ đại học được tính như thế nào?

A. [(Điểm HP1 × 2) + (Điểm HP2 × 3) + (Điểm HP3 × 1) + (Điểm HP4 × 2)] / 8

B. [(Điểm HP1 × 3) + (Điểm HP2 × 2) + (Điểm HP3 × 1) + (Điểm HP4 × 2)] / 8

C. [(Điểm HP1 × 1) + (Điểm HP2 × 2) + (Điểm HP3 × 3) + (Điểm HP4 × 2)] / 8

D. [(Điểm HP1 × 2) + (Điểm HP2 × 2) + (Điểm HP3 × 3) + (Điểm HP4 × 1)] / 8

[<br>]

Câu 28. Điểm môn học Giáo dục QP&AN chỉ được tính để cấp Chứng chỉ GDQPAN khi nào?

A. Khi điểm mỗi học phần lớn hơn hoặc bằng 5,0

B. Khi điểm kiểm tra lý luận và thực hành lớn hơn hoặc bằng 5,0

C. Khi điểm từng học phần mà người học tham gia học tập lớn hơn hoặc bằng 5,0

D. Khi điểm kiểm tra lý thuyết và thực hành lớn hơn hoặc bằng 5,0

[<br>]

Câu 29. Sinh viên đạt điểm trung bình môn học từ bao nhiêu điểm để được cấp Chứng chỉ GDQP-AN?

A. Từ 3 điểm B. Từ 4 điểm C. Từ 5 điểm D. Từ 6 điểm

[<br>]

Câu 30. Vai trò của chứng chỉ GDQPAN đối với học sinh, sinh viên?

A. Tham gia hội thảo B. Xét tốt nghiệp cao đẳng, đại học

C. Xét học bổng D. Gửi đơn xin việc

[<br>]

Câu 31. Nội dung của Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) chỉ rõ:

A. Phải tăng cường công tác GDQPAN cho toàn dân, trước hết là đối với cán bộ các cấp, các ngành của Đảng và Nhà nước và thế hệ trẻ học sinh, sinh viên

B. Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQPAN) là vấn đề chiến lược, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trực tiếp góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng bảo đảm cho đất nước có đủ khả năng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc

C. GDQPAN cho học sinh, sinh viên được Đảng ta xác định là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện một cách chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương tới cơ sở

D. Thực hiện nhiệm vụ GDQPAN, công tác quốc phòng, quân sự cho các đối tượng theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao

[<br>]

BÀI 2: QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

- Phần 1: QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH

<br> Khi nói về chiến tranh chủ nghĩa Mác – Lênin đã khẳng định như thế nào?

A. Chiến tranh là phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử

B. Chiến tranh luôn gắn liền với con người và xã hội loài người

C. Chiến tranh là một hiện tượng chính trị xã hội có tính lịch sử

D. Chiến tranh là một hiện tượng chính trị có tính lịch sử

<br> Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lê nin; nguồn gốc xã hội của chiến tranh là:

A. Một hành vi bạo lực nhằm lật đổ một chế độ xã hội

B. Sự xuất hiện và kéo dài của chế độ tư nhân về tư liệu sản xuất

C. Giải quyết mâu thuẫn xã hội của mối quan hệ người với người

D. Sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp

<br> Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê Nin về nguồn gốc của chiến tranh là gì?

A. Chiến tranh có nguồn gốc từ khi xuất hiện loài người

B. Chiến tranh có nguồn gốc từ sự xuất hiện chế độ tư hữu

C. Chiến tranh có nguồn gốc từ khi xuất hiện các hình thức tôn giáo

D. Chiến tranh có nguồn gốc từ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, có đối kháng giai cấp và áp bức bóc lột

<br> Quan điểm chủ nghĩa Mác-Lê nin về bản chất chiến tranh như thế nào?

A. Là kế tục mục tiêu chính trị bằng tất cả các thủ đoạn vật chất, kinh tế, văn hóa, khoa học CN

B. Là thủ đoạn để đạt được mục tiêu chính trị của một giai cấp

C. Tiếp tục chính trị bằng thủ đoạn bạo lực

D. Là thủ đoạn chính trị của một giai cấp để đạt mục tiêu kinh tế nhà nước

<br> Tính chất chính nghĩa của chiến tranh theo tư tưởng Hồ Chí Minh là gì?

A. Nhằm bảo vệ độc lập dân tộc

B. Chiến tranh giải phóng dân tộc

C. Là chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

D. Giữ vững độc lập chủ quyền

<br> Nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh là gì?

A. Tiến hành chiến tranh nhân dân với sử dụng bạo lực cách mạng

B. Chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng

C. Kết hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang nhân dân

D. Cả 3 nội dung trên

<br> Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh là:

A. Sức mạnh của toàn dân, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng

B. Sức mạnh của chính nghĩa, sức mạnh của quân đội, sức mạnh của nền kinh tế

C. Sức mạnh của toàn dân, sức mạnh của vũ khí, sức mạnh của quân đội và sự ủng hộ của nhân dân thế giới

D. Câu b và c đúng

<br> Hãy chọn cụm từ đúng nhất tương ứng vị trí (1) và (2) trong câu nói sau: “QP là công việc giữ nước của một quốc gia, bao gồm tổng thể các hoạt động đối ngoại và đối nội trên tất cả các lĩnh vực: …...(1)…..., nhằm mục đích bảo vệ vững chắc……(2)…..., tạo môi trường thuận lợi để xây dựng đất nước”.

A. Chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, xây dựng đất nước (1); chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (2)

B. Kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội(1); độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (2)

C. Quốc phòng, an ninh (1); kinh tế - xã hội (2)

D. Xây dựng quốc phòng, an ninh (1); chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (2)

<br> Hãy chọn cụm từ đúng nhất tương ứng vị trí (1) và (2) trong câu nói sau: “Chiến tranh là một hiện tượng chính trị-xã hội có tính …...(1)…..., đó là cuộc đấu tranh vũ trang có tổ chức giữa các giai cấp, nhà nước (hoặc liên minh giữa các nước) nhằm đạt mục đích ……(2)…… nhất định”.

A. lịch sử (1); chính trị (2)

B. quy luật (1); quân sự (2)

C. lịch sử (1); kinh tế (2)

D. quy luật (1); chính trị (2)

<br> Hãy chọn cụm từ đúng nhất tương ứng vị trí (1) và (2) trong câu nói sau: “Chiến tranh là một hành vi …...(1)…… dùng để buộc đối phương phải phục tùng ý trí của mình. Chiến tranh là sự huy động không hạn độ, ……(2)…... đến tột cùng của các bên tham chiến”.

A. bạo lực (1); kinh tế (2)

B. bạo lực (1); sức mạnh (2)

C. bạo lựcị (1); nhân lực (2)

D. chính trị (1); sức mạnh (2)

<br> Câu nói: “Trong thời đại ngày nay còn chủ nghĩa đế quốc còn nguy cơ xảy ra chiến tranh, chiến tranh là bạn đường của chủ nghĩa đế quốc” là của:

A. Các Mác

B. V.I Lê Nin

C. Ph. Ăngghen

D. C.Ph Claudơvít

<br> Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lê nin về nguồn gốc của chiến tranh như thế nào? 1- Sự xuất hiện và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất; 2- Là giải quyết tồn tại quyền lợi kinh tế trong xã hội; 3- Sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp; 4- Là giải quyết các mâu thuẫn vốn có của các quốc gia, dân tộc, tôn giáo.

A. Nội dung 1 và 2 đều đúng B. Nội dung 3 và 4 đều đúng

C. Nội dung 1 và 3 đều đúng D. Nội dung 2 và 4 đều đúng

<br> Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, bản chất của chiến tranh là:

A. Sự xuất hiện tính bạo lực của chiến tranh xâm lược và chiến tranh chống xâm lược

B. Sự xuất hiện mâu thuẫn xã hội trong chiến tranh xâm lược và chiến tranh chống xâm lược

C. Sự xuất hiện, tồn tại của giai cấp cùng với sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh xâm lược và chiến tranh chống xâm lược

D. Cả 3 câu a, b và c đều không đúng

<br> Ăng ghen đã nói:

A. “Bản chất xã hội của chiến tranh quyết định bản chất xã hội của nền kinh tế”

B. “Bản chất của chiến tranh quyết định bản chất kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội

C. “Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh đều phụ thuộc vào điều kiện kinh tế”

D. “Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh quyết định thắng lợi hay thất bại của nền kinh tế”

<br> Mối quan hệ giữa chiến tranh và chính trị được thể hiện như thế nào?

A. Chiến tranh chi phối và quyết định toàn bộ đường lối chính trị

B. Chiến tranh đề ra mục tiêu và hình thức tiến hành đấu tranh vũ trang

C. Chiến tranh kiểm tra sức sống của toàn bộ chế độ chính trị xã hội

D. Cả 3 nội dung trên

- Phần 2: QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUÂN ĐỘI

<br> Theo Ph. Ăngghen quân đội là: 1- Một tổ chức của một giai cấp và nhà nước nhất định; 2- Là công cụ bạo lực vũ trang chủ yếu nhất; 3- Là lực lượng nòng cốt của nhà nước; 4- Giai cấp tiến hành chiến tranh và đấu tranh.

A. Nội dung 1 và 3 đúng B. Nội dung 2 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 3 đúng D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

<br> Khái niệm: “Quân đội là một tập đoàn người có vũ trang, có tổ chức do nhà nước xây dựng đề dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc phòng ngự” là của:

A. C.Ph Claudơvít

B. Các Mác

C. V.I Lê Nin

D. Ph. Ăngghen

<br> Theo quan điểm của các học giả tư sản thì:

A. Quân đội chỉ là công cụ bạo lực của xã hội, không mang bản chất giai cấp, đứng ngoài chính trị

B. Quân đội mang bản chất giai cấp và mang màu sắc chính trị của giai cấp, là công cụ bạo lực của xã hội

C. Quân đội chịu chi phối bởi sự lãnh đạo của tổ chức, nhà nước nuôi dưỡng quân đội đó

D. Cả 3 câu a, b và c đều không đúng

<br> Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lê nin, bản chất giai cấp của quân đội phụ thuộc vào:

A. Tiềm lực chính trị, kinh tế, quân sự của nhà nước đã tổ chức ra quân đội đó

B. Bản chất giai cấp của nhà nước đã tổ chức ra quân đội đó

C. Chính đảng lãnh đạo và tổ chức nuôi dưỡng quân đội đó

D. Cả 3 câu a, b và c đều đúng

<br> Sức mạnh chiến đấu của quân đội theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, yếu tố nào giữ vai trò quyết định?

A. Yếu tố số lượng, chất lượng vũ khí trang bị

B. Yếu tố quân số, tổ chức, cơ cấu biên chế

C. Yếu tố chính trị tinh thần và kỷ luật

D. Yếu tố trình độ khoa học và nghệ thuật quân sự

<br> Nguyên tắc cơ bản trong xây dựng quân đội kiểu mới của Lênin thuộc nội dung nào sau đây?

A. Đảng Cộng sản lãnh đạo Hồng quân tăng cường bản chất giai cấp công nhân.

B. Nâng cao bản chất cách mạng cho quân đội là một tất yếu khách quan.

C. Tăng cường bản chất cách mạng và bản chất giai cấp công nhân cho quân đội.

D. Thường xuyên giáo dục bản chất cách mạng, sức mạnh chiến đấu cho quân đội.

<br> Một trong những nguyên tắc cơ bản về xây dựng Hồng quân của Lê nin là gì?

A. Đảng cộng sản lãnh đạo quân đội tăng cường bản chất giai cấp công nhân

B. Trung thành với nhà nước của giai cấp công nông

C. Trung thành với giai cấp vô sản trong nước và quốc tế

D. Cả 3 câu trên đều đúng

<br> Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, quân đội nhân dân Việt Nam có những chức năng gì?

A. Chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu

B. Chiến đấu, công tác, lao động sản xuất

C. Chiến đấu, lao động, sản xuất, tuyên truyền

D. Chiến đấu và tham gia giữ gìn hòa bình khu vực

<br> Nắm vững nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của Lê nin có ý nghĩa gì?

A. Là cơ sở lí luận để các Đảng xây dựng quân đội của mình vững mạnh

B. Là cơ sở lí luận khoa học cho các Đảng cộng sản xác định phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình

C. Là cơ sở lí luận để các Đảng đấu tranh chống lại quan điểm "phi chính trị hoá quân đội"

D. Là cơ sở lí luận để đấu tranh chống lại quan điểm "chính trị là thống soái"

<br> Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, sự ra đời của quân đội là:

A. Nhằm giành lại chủ quyền quốc gia, chống lại sự áp bức bóc lột.

B. Là tất yếu, có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc

C. Đúng đắn, chính nghĩa thể hiện sức mạnh bảo vệ sự phát triển của nền kinh tế

D. Câu a, b và c đều đúng

<br> Bản chất giai cấp công nhân của quân đội theo Chủ tịch Hồ Chí Minh được liên hệ như thế nào?

A. Liên hệ mật thiết với nhân dân trong đấu tranh giải phóng dân tộc

B. Được thể hiện cả trong chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ TQ

C. Liên hệ mật thiết với tính nhân dân trong tiến hành chiến tranh nhân dân

D. Trong đấu tranh giành độc lập dân tộc và bảo vệ Tổ quốc XHCN

<br> Theo tư tưởng Hồ Chí Minh Đảng lãnh đạo quân đội theo nguyên tắc nào?

A. Lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt với quân đội

B. Lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt

C. Lãnh đạo về mọi mặt đối với quân đội

D. Lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt

<br> Tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh chiến đấu của QĐND Việt Nam như thế nào?

A. Là sức mạnh của nhiều yếu tố kết hợp lại, quân sự là chủ chốt

B. Là sức mạnh của yếu tố con người và vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại

C. Là sức mạnh tổng hợp trong đó yếu tố con người, yếu tố chính trị tinh thần giữ vai trò quyết định.

D. Cả 3 câu trên đều đúng

<br> Tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh chiến đấu của quân đội nhân dân Việt Nam như thế nào?

A. Là sức mạnh của nhiều yếu tố kết hợp lại, quân sự là chủ chốt

B. Là sức mạnh của yếu tố con người và vũ khí

C. Là sức mạnh tổng hợp trong đó yếu tố con người, yếu tố chính trị tinh thần giữ vai trò quyết định

D. Là sức mạnh của yếu tố con người và vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại

<br> Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định nhiệm vụ của quân đội ta là: 1- Sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi trong bất kỳ hoàn cảnh nào; 2- Xây dựng quân đội ta ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu; 3- Thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội; 4- Tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh cấp trên.

A. Nội dung 1 và 3 đúng B. Nội dung 2 và 4 đúng

C. Nội dung 2 và 3 đúng D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

- Phần 3: QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

<br> Lênin chỉ ra: bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ, trách nhiệm của ai?

A. Quân đội nhân dân, công an nhân dân và toàn thể giai cấp công nhân

B. Mọi tầng lớp và toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động

C. Là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân

D. Của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động

<br> Quan điểm “Bảo vệ Tổ quốc XHCN là một tất yếu khách quan” xuất phát từ một số yếu tố nào sau đây: 1- Sự phát triển và vai trò muốn làm bá chủ thế giới của chủ nghĩa tư bản; 2- Quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc; 3- Bản chất, âm mưu kẻ thù và thực tiễn cách mạng thế giới; 4- Quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội phảI đi đôi với bảo vệ Tổ quốc XHCN.

A. Nội dung 2, 3, 4 đúng B. Nội dung 1, 2, 4 đúng

C. Nội dung 1, 3, 4 đúng D. Nội dung 1, 2, 3 đúng

<br> Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin về bảo vệ Tổ quốc XHCN như thế nào?

A. Quần chúng nhân dân lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

B. Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

C. Lực lượng vũ trang lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

D. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN thuộc về quân đội và lực lượng công an nhân dân

<br> Một số quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin về bảo vệ Tổ quốc XHCN là: 1- Quần chúng nhân dân tiến hành mọi hoạt động bảo vệ Tổ quốc XHCN; 2- Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN; 3- Phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội; 4- Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN là trách nhiệm của quân đội nhân dân và công an nhân dân.

A. Nội dung 3 và 4 đúng B. Nội dung 1 và 2 đúng

C. Nội dung 2 và 3 đúng D. Nội dung 1 và 4 đúng

<br> Một số quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin về bảo vệ Tổ quốc XHCN là: 1- Một tất yếu khách quan; 2- Phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội; 3- Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN là trách nhiệm của quân đội nhân dân và công an nhân dân; 4- Nghĩa vụ, trách nhiệm của dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

A. Câu 2, 3 và 4 đúng B. Câu 1, 2 và 3 đúng

C. Câu 1, 2 và 4 đúng D. Tất cả câu 1, 2, 3 và 4 đều đúng

<br> Tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của chủ tịch Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là gì?

A. Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh

B. Đó là ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh

C. Bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh

D. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh

<br> Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, sử dụng bạo lực cách mạng là để:

A. Lật đổ chế độ cũ, xây dựng chế độ mới

B. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ mới

C. Giành chính quyền và giữ chính quyền

D. Tiêu diệt các lực lượng phản cách mạng và lật đổ chính quyền phản động

<br> Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giành chính quyền và giữ chính quyền:

A. Đấu tranh với chủ nghĩa thực dân bóc lột, cai trị nhân dân bằng bạo lực

B. Đấu tranh với chủ nghĩa thực dân vì tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực

C. Dùng bạo lực cách mạng để gành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền

D. Dùng bạo lực để chống lại kẻ thù luôn dùng bạo lực để duy trì quyền thống trị

<br> Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN là:

A. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là tất yếu khách quan

B. Đảng Cộng sản VN lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ tổ quốc VN XHCN

C. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là nghĩa vụ, trách nhiệm của mọi công dân

D. Cả 3 câu trên đều đúng

<br> Một trong những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN là gì?

A. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là ý chí quyết tâm của nhân dân ta

B. Bảo vệ Tổ quốc là tất yếu cùng với bảo vệ chế độ XHCN

C. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là tất yếu khách quan

D. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là truyền thống dân tộc, là ý chí của toàn dân

BÀI 3: XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN,

AN NINH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XHCN

Câu 1. Đâu là khái niệm đúng về nền quốc phòng toàn dân (QPTD)?

A. Nền QPTD được xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tài chính, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường

B. Nền QPTD được xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, mang tính chất toàn dân, toàn diện

C. Nền QPTD là sức mạnh quốc phòng của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường

D. Nền QPTD là sức mạnh quốc phòng của đất nước, được xây dựng trên nền tảng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường

Câu 2. Đâu là khái niệm đúng về nền an ninh nhân dân (ANND)?

A. Nền an ninh nhân dân là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của toàn dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt.

B. Nền an ninh nhân dân là sức mạnh toàn dân được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt.

C. Nền ANND là sức mạnh an ninh của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường

D. Nền an ninh nhân dân là sức mạnh toàn dân được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng công an nhân dân làm nòng cốt.

Câu 3. Bổ sung cụm từ đúng cho khái niệm: “Thế trận quốc phòng, an ninh là: ...........theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN”

A. Khả năng huy động nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho công tác quốc phòng, an ninh

B. Tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ

C. Khả năng tổ chức, huy động nguồn nhân lực, vật lực, tài lực cho đất nước để bảo đảm công tác quốc phòng, an ninh

D. khả năng quản lý điều hành công tác quốc phòng, an ninh trên toàn bộ lãnh thổ

Câu 4. Bổ sung cụm từ đúng cho vị trí nền QPTD, ANND: “Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh là tạo ra ……… để ngăn ngừa, đẩy lùi, đánh bại mọi âm mưu hành động xâm hại đến mục tiêu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa”

A. Lực lượng

B. Sức mạnh

C. Khả năng tổ chức, huy động nguồn nhân lực, vật lực

D. Điều kiện quan trọng

Câu 5. Một số nội dung đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là: 1- Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng; 2- Nền quốc phòng, an ninh có sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành; 3- Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được đầu tư vũ khí hiện đại; 4- Nền quốc phòng, an ninh vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành.

A. Nội dung 1, 2, 3 đúng B. Nội dung 2, 3, 4 đúng

C. Nội dung 1, 2, 4 đúng D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

Câu 6. Lực lượng an ninh nhân dân là: 1- Một bộ phận của lực lượng vũ trang có vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia; 2- Là lực lượng do nhân dân tiến hành nhằm bảo vệ an ninh quốc gia; 3- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý, điều hành của nhà nước; 4- Là lực lượng chuyên trách của quân đội làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh quốc gia.

A. Nội dung 1 và 2 đúng B. Nội dung 2 và 3 đúng

C. Nội dung 2 và 4 đúng D. Nội dung 1 và 3 đúng

Câu 7. Một trong những đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân (QPTD, ANND) của nước ta là gì?

A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

B. Nền QPTD, ANND chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng

C. Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ

D. Thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Câu 8. Một trong những đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của nước ta là gì?

A. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân

B. Nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân là một

C. Nền an ninh nhân dân hỗ trợ cho nền quốc phòng toàn dân

D. Nền an ninh nhân dân và nền quốc phòng toàn dân thực hiện nhiệm vụ độc lập về an ninh, quốc phòng

Câu 9. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay là gì?

A. Xây dựng sức mạnh chiến đấu tổng hợp của Quân đội và Công an.

B. Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

C. Xây dựng tiềm lực chính trị, quân sự vững mạnh.

D. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc.

Câu 10. Bổ sung cụm từ thiếu trong nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay: “Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu…”.

A. Phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

B. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

C. Bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.

D. Bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Câu 11. Đâu là mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay: 1- Tạo sức mạnh tổng hợp cho đất nước về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ; 2- Giữ vững hòa bình, ổn định, đẩy lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh; 3- Sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô; 4- Bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

A. Nội dung 1, 2 và 3 đúng B. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 4 đúng D. Cả 1, 2, 3 và 4 đều đúng

Câu 12. Bổ sung cụm từ thiếu trong nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay: “Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh là xây dựng lực lượng chính trị và … đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

A. Lực lượng quân đội nhân dân.

B. Lực lượng vũ trang nhân dân.

C. Lực lượng công an nhân dân.

D. Lực lượng dân quân tự vệ.

Câu 13. Đâu là khái niệm về tiềm lực quốc phòng, an ninh?

A. Tiềm lực quốc phòng, an ninh là sức mạnh về tinh thần, vật chất được huy động vào sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

B. Tiềm lực quốc phòng, an ninh là sức mạnh toàn dân được huy động vào sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

C. Tiềm lực quốc phòng, an ninh là khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính, tinh thần ở trong nước và ngoài nước có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

D. Tiềm lực quốc phòng, an ninh là khả năng huy động mọi nguồn lực cho giữ gìn an ninh quốc gia và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Câu 14. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh gồm….?

A. Tiềm lực về tinh thần; tiềm lực về vật chất; tiềm lực quốc phòng, an ninh.

B. Tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ; tiềm lực quân sự, an ninh.

C. Tiềm lực quân sự; tiềm lực an ninh; tiềm lực khoa học công nghệ; tiềm lực kinh tế.

D. Tiềm lực quân sự, an ninh; tiềm lực kinh tế; tiềm lực chính trị, tinh thần.

Câu 15. Bổ sung cụm từ đúng của khái niệm sau: “Tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về chinh trị, tinh thần có thể … để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh”

A. Huy động tạo nên sức mạnh

B. Huy động nguồn nhân lực, vật lực, tài chính

C. Huy động vũ khí, phương tiện chiến tranh

D. lãnh đạo lực lượng vũ trang

Câu 16. Biểu hiện của tiềm lực chính trị, tinh thần là gì? 1- Năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước; 2- Ý chí quyết tâm của nhân dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong mọi hoàn cảnh, tình huống; 3- Giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

A. Nội dung 1 và 2 đúng B. Nội dung 1 và 3 đúng

C. Nội dung 2 và 3 đúng D. Cả 1, 2 và 3 đều đúng

Câu 17. Bổ sung cụm từ đúng cho khái niệm sau: “Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về kinh tế của đất nước có thể…………nhằm phục vụ cho quốc phòng, an ninh”.

A. Quản lý, điều hành B. Lãnh đạo thực hiện

C. Khai thác, huy động D. Tổ chức triển khai

Câu 18. Một số nội dung xây dựng tiềm lực kinh tế cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là: 1- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; 2- Xây dựng các quân, binh chủng, lực lượng, đơn vị làm kinh tế; 3- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; 4- Phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội và công an.

A. Nội dung 1, 2 và 3 đúng B. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 3 và 4 đúng D. Tất cả 1, 2, 3 và 4 đều đúng

Câu 19. Một số nội dung xây dựng tiềm lực kinh tế cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là: 1- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; 2- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; 3- Phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội và công an; 4- Xây dựng hậu phương vững chắc đáp ứng các nhu cầu phục vụ chiến tranh.

A. Nội dung 1, 2 và 3 đúng B. Nội dung 1, 2 và 4 đúng

C. Nội dung 2, 3 và 4 đúng D. Tất cả 1, 2, 3 và 4 đều đúng

Câu 20. Bổ sung cụm từ đúng cho khái niệm sau: “Tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn) và công nghệ của quốc gia có thể …. để phục vụ cho quốc phòng, an ninh”.

A. Trưng dụng B. Khai thác, huy động

C. Sử dụng D. Áp dụng, khai thác

Câu 21. Khi xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cần tập trung vào những nội dung nào sau đây?

A. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện

B. Gắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với quá trình tăng cường vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang nhân dân

C. Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 22. Khi xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cần tập trung vào những nội dung nào sau đây?

A. Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

B. Bố trí lực lượng luôn đáp ứng yêu cầu chuẩn bị cho đất nước về mọi mặt, sẵn sàng động viên thời chiến

C. Tăng cường nghiên cứu khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay và nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 23. Bổ sung cụm từ đúng cho khái niệm sau: “Thế trận quốc phòng, an ninh là … theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN”.

A. Khả năng huy động nguồn tài chính, nhân lực, vật lực của cả nước

B. Tổ chức bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ

C. Khả năng tổ chức, huy động, bố trí lực lượng của cả nước và địa phương

D. Khả năng quản lý điều hành của nhà nước trên toàn bộ lãnh thổ

Câu 24. Đâu là biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay?

A. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

B. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của công dân cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

C. Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 25. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là trách nhiệm của ….?

A. Sinh viên.

B. Lực lượng vũ trang.

C. Toàn dân.

D. Quân đội nhân dân Việt Nam.

BÀI 4: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

[<br>]

Câu . Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp vào ngày, tháng, năm nào?

A. Ngày 22.12.1944 B. Ngày 22.12.1946

C. Ngày 19.12.1946 D. Ngày 19.12.1945

[<br>]

Câu . Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, chúng ta dự kiến chiến tranh có thể kéo dài:

A. 5 năm, 10 năm, 20 năm B. 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa

C. 10 năm, 20 năm, 30 năm D. Cả ba phương án trả lời đều không đúng

[<br>]

Câu . Khái niệm về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là gì?

A. Là quá trình sử dụng tiềm lực của đất nước để xây dựng và đi lên CNXH

B. Là quá trình sử dụng tiềm lực quốc phòng an ninh để xây dựng đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

C. Là quá trình sử dụng tiềm lực quốc phòng an ninh để ứng phó với mọi tình huống chiến tranh

D. Là quá trình sử dụng tiềm lực của đất nước, nhất là tiềm lực quốc phòng an ninh, nhằm đánh bại ý đồ xâm lược lật đổ của kẻ thù đối với cách mạng nước ta

[<br>]

Câu . Hãy tìm câu đúng khi nói về bản chất của chiến tranh nhân dân:

A. Kiểu tổ chức chiến tranh vô chính phủ B. Kiểu tổ chức bảo vệ Tổ quốc của toàn dân

C. Là xã hội hóa chiến tranh D. Là chiến tranh tự phát của nhân dân

[<br>]

Câu . Một số nội dung về mục đích của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là gì? 1- Giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; 2- Bảo vệ sự an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; 3- Bảo vệ giai cấp, chế độ và biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển; 4- Bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

A. Nội dung 1, 2, 3 đúng B. Nội dung 2, 3, 4 đúng

C. Nội dung 1, 2, 4 đúng D. Nội dung 1, 2, 3, 4 đúng

[<br>]

Câu . Chúng ta tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nhằm góp phần thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại:

A. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội

B. Là độc lập dân tộc, dân chủ và công bằng xã hội

C. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh xã hội dân chủ và văn minh

D. Dân giàu, nước mạnh xã hội dân chủ, công bằng, văn minh

[<br>]

Câu . Một trong những mục đích của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là:

A. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất của Tổ quốc

B. Bảo vệ sự toàn vẹn của Tổ quốc

C. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ

D. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, của Tổ quốc

[<br>]

Câu . Tìm câu trả lời đúng cho câu hỏi: Chiến tranh nhân dân có thể chống lại các loại hình chiến tranh nào?

A. Mọi loại chiến tranh B. Nội xâm

C. Công nghệ cao D. Ngoại xâm

[<br>]

Câu . Tìm câu trả lời đúng cho câu hỏi: Vì sao phải tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc?

A. Phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc

B. Vì nước ta còn nghèo

C. Phát huy vai trò của các thành phần kinh tế

D. Đòi hỏi của nhiệm vụ hiện đại hóa quân đội

[<br>]

Câu . Tìm câu trả lời đúng cho câu hỏi: Cơ sở để nhận dạng đối tượng tác chiến của lực lượng vũ trang Việt Nam là những nước hay vùng lãnh thổ có hành động?

A. Đem quân xâm lược, phá hoại ta B. Không ủng hộ ta về chính trị

C. Gây khó khăn với ta về kinh tế D. Không viện trợ cho ta

[<br>]

Câu . Tìm câu trả lời đúng cho câu hỏi: Cơ sở để nhận dạng đối tượng của cách mạng Việt Nam là những nước hay vùng lãnh thổ có hành động nào?

A. Cản trở, phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của ta

B. Kí kết song phương với ta

C. Bất đồng về quan điểm chính trị với ta

D. Phá ta về kinh tế với ta

[<br>]

Câu . Đối tượng của chiến tranh nhân dân ở Việt Nam là đối tượng nào?

A. Chủ nghĩa khủng bố quốc tế B. CN đế quốc và các thế lực phản cách mạng

C. Chủ nghĩa đế quốc D. Các thế lực phản cách mạng nước ngoài

[<br>]

Câu . Đối tượng tác chiến của chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc hiện nay:

A. Chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai

B. Các thế lực phản động và các nước có âm mưu xâm lược nước ta

C. Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ

D. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động

[<br>]

Câu . Đối tượng tác chiến của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc:

A. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động có hành động phá hoại, xâm lược, lật đổ cách mạng

B. Bọn khủng bố có hành động phá hoại

C. Các tổ chức phản động trong nước và ngoài nước có hành động lật đổ cách mạng

D. Cả ba đáp án trả lời đều đúng

[<br>]

Câu . Đối tượng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là:

A. Những lực lượng xâm lược Tổ quốc ta

B. Những thế lực cản trở, xâm hại đến sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc XHCN của chúng ta

C. Những lực lượng xâm lược và thế lực phản động có hành động phá hoại

D. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa khủng bố quốc tế

[<br>]

Câu . Nếu chiến tranh xảy ra cùng với bọn đế quốc lực lượng nào là đối tượng tác chiến của quân dân ta?

A. Lực lượng khủng bố và xâm lược

B. Những lực lượng phản động gây bạo loạn lật đổ, gây xung đột vũ trang, gây chiến tranh xâm lược

C. Lực lượng phản động tiến hành bạo loan, lật đổ phá hoại thành quả Cách mạng của nhân dân ta

D. Lực lượng bạo loạn lật đổ và và các thế lực sử dụng sức mạnh quân sự xâm lược

[<br>]

Câu 17. Nếu chiến tranh xảy ra, chúng ta đánh giá quân địch có điểm yếu cơ bản nào?

A. Vấp phải ý chí chiến đấu kiên cường vì độc lập tự do của dân tộc ta

B. Phải đương đầu với dân tộc Việt Nam có truyền thống chống kẻ thù xâm lược kiên cường bất khuất

C. Phải đối phó với cách đánh năng động sáng tạo của QĐNDVN

D. Phải đương đầu với dân tộc Việt Nam có truyền thống chống giắc ngoại xâm

[<br>]

Câu 18. Tìm câu trả lời sai của câu hỏi. Tính chất của chiến tranh nhân dân Việt Nam?

A. Toàn dân B. Dân tộc C. Toàn diện D. Hiện đại

[<br>]

Câu 19. Tính chất của chiến tranh nhân dân Việt Nam hiện nay?

A. Là cuộc chiến tranh vì dân, của dân, do dân tiến hành

B. Là cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc

C. Là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc

D. Là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện

[<br>]

Câu 20. Tính chất của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc:

A. Là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lấy lực lực vũ trang làm nòng cốt

B. Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng

C. Là cuộc chiến tranh mang tính hiện đại

D. Cả ba đáp án trả lời đều đúng

[<br>]

Câu 21. Một trong những tính chất chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là gì?

A. Chiến tranh chính nghĩa, tự vệ B. Chiến tranh cách mạng

C. Chiến tranh chính nghĩa, tự vệ, cách mạng D. Cuộc chiến tranh bảo vệ XHCN

[<br>]

Câu 22. Một trong những tính chất chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là gì?

A. Là cuộc chiến tranh toàn dân, lực lượng vũ trang làm nòng cốt

B. Là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện

C. Là cuộc đấu tranh của nhân dân mà quân sự đóng vai trò quyết định

D. Là cuộc chiến tranh cách mạng chống lại các thế lực phản cách mạng

[<br>]

Câu 23. Tìm câu trả lời đúng cho câu hỏi. Vì sao chiến tranh nhân dân Việt Nam phải mang tính hiện đại?

A. Đối tượng luôn sử dụng các trang thiết bị hiện đại

B. Vì nước ta nghèo

C. Ta đang công nghiệp hóa, hiện đại hóa

D. Vì chúng muốn chắc thắng

[<br>]

Câu 24. Chọn câu trả lời sai cho câu hỏi. Vì sao cuộc chiến tranh nhân dân Việt Nam phải mang tính toàn diện?

A. Vì là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ, cách mạng

B. Vì kẻ địch đánh ta bằng mọi thứ, ở mọi nơi, trong mọi lúc

C. Vì kẻ địch đánh ta trên mọi lĩnh vực

D. Vì đây là cuộc chiến tranh công nghệ cao

[<br>]

Câu 25. Một trong những đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là gì?

A. Đất nước thống nhất đi lên CNXH

B. Đất nước đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

C. Hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng trong thời bình

D. Các tuyến phòng thủ đất nước được củng cố vững chắc

[<br>]

Câu 26. Một trong những đặc điểm chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là gì?

A. Đất nước thống nhất đi lên CNXH

B. Đất nước đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

C. Hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng, thế trận quốc phòng, an ninh nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc, có điều kiện phát huy sức mạnh tổng hợp chủ động đánh địch ngay từ đầu và lâu dài

D. Đưa đất nước đã đi sâu hội nhập kinh tế quốc tế, tạo những thuận lợi đánh địch ngay từ đầu và lâu dài

[<br>]

Câu 27. Đặc điểm nào tác động lớn nhất đến chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc?

A. Chủ nghĩa đế quốc đang thực hiện chính trị cường quyền thô bạo và cứng rắn

B. Tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ngờ khó lường

C. Thế giới có những biến động lớn ảnh hưởng đến các nước, đặc biệt là cácnước XHCN

D. Chủ nghĩa đế quốc đang thực hiện quyền "lãnh đạo thế giới"

[<br>]

[<br>]

Câu 28. Chọn câu đúng. Đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam?

A. Đối phó được với chiến tranh thông thường

B. Đối phó được với diễn biến hòa bình

C. Đối phó được với mọi loại hình chiến tranh

D. Đối phó được với xung đột vũ trang

[<br>]

Câu 29. Đặc trưng nổi bật của đấu tranh vũ trang hiện nay?

A. Hàm lượng đấu tranh vũ trang trong tổng thể chung thấp hơn so với trước

B. Vẫn không thay đổi

C. Truyền thống quân sự của tổ tiên luôn được phát huy như trước đây

D. Tăng cường chiến tranh phòng tuyến

[<br>]

Câu 30. Sự khác biệt nổi bật của chiến tranh nhân dân trong tình hình hiện nay so với trước kia là gì?

A. Hàm lượng của các mặt đấu tranh trên lĩnh vực phi vũ trang ngày càng tăng cho dù đấu tranh vũ trang vẫn là nòng cốt

B. Vũ khí, trang bị hiện đại hơn

C. Cuộc chiến tranh diễn ra mà không cần tiếp xúc

D. Chủ yếu là chống khủng bố

[<br>]

Câu 31. Hãy tìm câu trả lời sai của câu hỏi: Quan điểm về chiến tranh nhân dân của Đảng ta?

A. Toàn dân đánh giặc B. Đánh lâu dài nhưng giành thắng lợi sớm

C. Phòng ngự là chính D. Vừa chiến đấu vừa sản xuất

[<br>]

Câu 32. Đảng ta chỉ đạo phương châm tiến hành chiến tranh với nội dung nào sau đây?

A. Tạo thế, nắm thời kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt

B. Ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh

C. Tự lực cánh sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính

D. Đánh lâu dài lấy thời gian làm lực lượng dựa vào sức mình là chính

[<br>]

Câu 33. Chiến tranh chống quân xâm lược nước ta là chiến tranh cách mạng, chính nghĩa và tự vệ Đảng ta chỉ đạo phương thức tiến hành chiến tranh như thế nào?

A. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ tranh làm nòng cốt

B. Chiến tranh nhân dân kết hợp chặt chẽ giữa địa phương với các binh đoàn chủ lực

C. Kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

D. Tiến công địch bằng ba mũi giáp công quân sự, chính trị, kinh tế làm cho địch lúng túng trong đối phó

[<br>]

Câu 34. Một trong những quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là:

A. Xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc, có điều kiện phát huy sức mạnh tổng hợp chủ động đánh địch ngay từ đầu và lâu dài

B. Quá trình xây dựng và đi lên CNXH phải chủ động đánh địch ngay từ đầu và lâu dài

C. Đưa đất nước lên thế phòng ngự chiến tranh, tạo thuận lợi đánh địch ngay từ đầu và lâu dài

D. Chuẩn bị trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

[<br>]

Câu 35. Một số quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là: 1- Quá trình xây dựng và đi lên CNXH phải chủ động đánh địch ngay từ đầu và lâu dài; 2- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế, sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới; 3- Xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc, có điều kiện phát huy sức mạnh tổng hợp chủ động đánh địch ngay từ đầu và lâu dài; 4- Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn.

A. Nội dung 1, 2 đúng B. Nội dung 3, 4 đúng

C. Nội dung 2, 3 đúng D. Nội dung 2, 4 đúng

[<br>]

Câu 36. Vì sao Đảng ta khẳng định phải tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc?

A. Đây là điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp trong chiến tranh

B. Sức mạnh trong chiến tranh đó là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố

C. Chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện

D. Là điều kiện để phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp trong cuộc chiến tranh

[<br>]

Câu 37. Quan điểm "thực hiện toàn dân đánh giặc" trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, có ý nghĩa gì?

A. Là cơ sở, điều kiện để mỗi người dân được tham gia đánh giặc bảo vệ quê hương

B. Là cơ sở, điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc

C. Là cơ sở, điều kiện để phát huy cao nhất yếu tố con người (giữ vai trò quyết định) trong chiến tranh

D. Là cơ sở, điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

[<br>]

Câu 38. Quan điểm, thực hiện toàn dân đánh giặc trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc thể hiện vấn đề gì?

A. Thể hiện tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc trong cuộc chiến tranh

B. Thể hiện sức mạnh to lớn của cuộc chiến tranh của ta

C. Thể hiện tính nhân dân sâu sắc, cuộc chiến tranh của dân, do dân, vì dân

D. Thể hiện tính nhân dân, tính dân tộc

[<br>]

Câu 39. Quan điểm "tiến hành chiến tranh toàn diện" trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc thể hiện như thế nào?

A. Tiến công địch toàn diện, mặt trận chính trị là quan trọng nhất, mặt trận quân sự có tính quyết định

B. Tổ chức tiến công địch trên tất cả các mặt trận, mặt trận nào cũng quan trọng, trong đó luôn coi trọng mặt trận quân sự, thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định

C. Tiến công địch trên mặt trận quân sự là chủ yếu, các mặt trận khác là hỗ trợ

D. Tiến công địch trên mặt trận quân sự là chủ yếu

[<br>]

Bài 5: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

[<br>]

Câu 1. Hãy chọn cụm từ đúng nhất tương ứng vị trí (1) và (2) để làm rõ khái niệm sau: “Lực lượng vũ trang nhân dân là...(1)...và...(2)…do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước CHXHCNVN quản lý”.

A. lực lượng vũ trang (1); tổ chức vũ trang (2)

B. tiềm lực vũ trang (1); tiềm lực bán vũ trang (2)

C. tổ chức quốc phòng (1); tổ chức bán quốc phòng (2)

D. tổ chức vũ trang (1); bán vũ trang (2)

[<br>]

Câu 2. Nhiệm vụ chủ yếu của lực lượng vũ trang nhân dân là: 1- Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Nhân dân, bảo vệ chế độ XHCN và những thành quả cách mạng; 2- Chiến đấu giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; 3- Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân và thế trận chiến tranh nhân dân; 4- Cùng toàn dân xây dựng đất nước.

A. Nội dung 1, 4 đúng B. Nội dung 2, 4 đúng

C. Nội dung 1, 2, 3, 4 đều đúng D. Nội dung 1, 2, 4 đúng

[<br>]

Câu 3. Tìm câu trả lời sai. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt của:

A. Nền quốc phòng toàn dân B. Chiến tranh nhân dân

C. Lực lượng sản xuất D. Nền an ninh nhân dân

[<br>]

Câu 4. Vị trí của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam được Đảng và Nhà nước ta xác định: “Là công cụ bạo lực của Đảng và Nhà nước, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN”.

A. Đúng B. Sai C. Thiếu D. Đủ

[<br>]

Câu 5. Tìm câu trả lời đúng nhất của câu hỏi: Cội nguồn của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam?

A. Quân đội nhà nghề B. Nghĩa quân

C. Đội bảo vệ D. Là con em của Nhân dân

[<br>]

Câu 6. Tìm câu trả lời đúng: Bản chất của Quân đội nhân dân Việt Nam là:

A. Là công cụ bạo lực của giai cấp cầm quyền

B. Là lực lượng duy nhất có nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc

C. Là lực lượng nòng cốt cho toàn dân đánh giặc

D. Là lực lượng phòng thủ dân sự

<br>]

Câu 7. Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về bản chất giai cấp của lực lượng vũ trang là gì?

A. Mang bản chất từ thành phần xuất thân LLVT

B. Mang bản chất quần chúng nhân dân lao động

C. Mang bản chất giai cấp nhà nước đã tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng lực lượng vũ trang đó

D. Là lực lượng bảo vệ đất nước không mang bản chất chính trị

[<br>]

Câu 8. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam gồm thứ quân nào?

A. Bộ đội chủ lực, Bộ đội biên phòng, Bộ đội địa phương

B. Bộ đội chính qui, Công an nhân dân, DQTV

C. Bộ đội chủ lực, Bộ đội địa phương, DQTV

D. Bộ đội chủ lực, Bộ đội biên phòng, Bộ đội địa phương

[<br>]

Câu 9. Lực lượng chủ lực để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là những lực lượng nào?

A. Gồm các lực lượng của toàn dân

B. Là các lực lượng vũ trang nhân dân

C. Là ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ

D. Các lực lượng dự bị động viên

[<br>]

Câu 10. Nội dung nào sau đây thuộc nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam?

A. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ

B. Chiến đấu và giữ độc lập dân tộc và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa

C. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc

D. Chiến đấu giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ

[<br>]

Câu 11. Một số đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là: 1- Sự nghiệp đổi mới ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đất nước đang bước sang thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế thế giới toàn diện hơn; 2- Cả nước đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, trong khi chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá ta quyết liệt; 3- Thực trạng lực lượng vũ trang nhân dân đã có những bước trưởng thành lớn mạnh về chính trị, chất lượng tổng hợp, trình độ chính quy, sức mạnh chiến dấu, song vẫn còn phải tháo gỡ một số vấn đề về chính trị, trình độ chính quy, trang bị còn lạc hậu, thiếu đồng bộ; 4- Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong điều kiện quốc tế đã thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp.

A. Nội dung 1, 2 và 3 đúng B. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 3 và 4 đúng D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 12. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam theo nguyên tắc nào?

A. Độc tôn duy nhất B. Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt

C. Tuyệt đối về chính trị, tư tưởng, tổ chức D. Toàn diện

[<br>]

Câu 13. Một trong những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong thời kỳ mới là:

A. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế thế giới

B. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng CSVN đối với lực lượng vũ trang nhân dân

C. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có những bước trưởng thành lớn mạnh về chính trị, chất lượng tổng hợp, trình độ chính quy, sức mạnh chiến đấu

D. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong điều kiện quốc tế đã thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp

[<br>]

Câu 14. Xây dựng vững mạnh về mọi mặt đồng thời bảo đảm LLVTND luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi cần làm tốt nội dung nào sau đây?

A. Thực hiện và chấp hành nghiêm mọi đường lối chủ trương của Đảng

B. Chấp hành nghiêm các chế độ, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược

C. Duy trì và chấp hành nghiêm các chế độ, quy định về sẵn sàng chiến đấu

D. Không ngừng nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu thắng lợi

[<br>]

Câu 15. Một trong những phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong giai đoạn mới là:

A. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo hướng chính quy, cách mạng

B. Xây dựng Quân đội nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại

C. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu trong điều kiện quốc tế đã thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp

D. Xây dựng và bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi

[<br>]

Câu 16. Chức năng của Quân đội nhân dân Việt Nam là:

A. Chiến đấu, công tác, sản xuất

B. Chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, công tác, tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh cấp trên

C. Chiến đấu, công tác, sản xuất và tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh cấp trên

D. Chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, kỷ luật nghiêm, tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh cấp trên

[<br>]

Câu 17. Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất:

A. Giai cấp nông dân Việt nam

B. Cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc

C. Giai cấp nông dân, công nhân và tri thức Việt Nam

D. Giai cấp công nhân Việt Nam

[<br>]

Câu 18. Một số nội dung xây dựng Quân đội cách mạng là: 1- Có tinh thần đoàn kết quân dân, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quốc tế tốt; 2- Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân rộng rãi và dân chủ; 3- Xây dựng lực lượng dự bị động viên tốt; 4- Kỷ luật tự giác nghiêm minh, dân chủ rộng rãi.

A. Nội dung 3 và 4 đều đúng B. Nội dung 2 và 3 đúng

C. Nội dung 1 và 4 đều đúng D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 19. Một số nội dung xây dựng Quân đội chính quy là: 1- Thống nhất về bản chất cách mạng, mục tiêu chiến đấu, ý chí quyết tâm, nguyên tắc xây dựng Quân đội, tổ chức biên chế trang bị; 2- Thống nhất về xây dựng lực lượng dự bị động viên tốt; 3- Thống nhất về tổ chức thực hiện chức trách nề nếp chế độ chính quy, quản lý bộ đội, quản lý trang bị; 4- Thống nhất về quan điểm tư tưởng quân sự, nghệ thuật quân sự, phương pháp huấn luyện giáo dục.

A. Nội dung 1, 3 và 4 đúng B. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 3 đúng D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 20. Một trong những nội dung xây dựng Quân đội tinh nhuệ là:

A. Tinh nhuệ về tổ chức, giáo dục và văn hóa

B. Tinh nhuệ về chính trị, tổ chức, kỹ - chiến thuật

C. Tinh nhuệ về văn hóa, đời sống

D. Tinh nhuệ về kỷ luật, pháp luật, quy định pháp luật

[<br>]

Câu 21. Một trong những nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ là:

A. Xây dựng cả chất lượng và số lượng, lấy chất lượng là chính, tổ chức biên chế phù hợp

B. Xây dựng cả chất lượng và số lượng, cả chính quy và phi chính quy, cả chủ lực và địa phương

C. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ phù hợp và theo kịp với lực lượng vũ trang nhân dân theo hướng chính quy

D. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ phù hợp với quân đội nhân dân theo hướng cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại

[<br>]

Câu 22. Một số biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là: 1- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân; 2- Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của các lực lượng vũ trang nhân dân; 3- Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự Việt Nam; 4- Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, có năng lực tốt.

A. Nội dung 1, 2 và 4 đúng B. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 3 đúng D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 23. Sự lãnh đạo của Đảng sẽ quyết định đến bản chất như thế nào đối với lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam?

A. Quyết định đến mục tiêu, phương hướng chiến đấu, đường lối tổ chức và cơ chế hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân

B. Phương hướng chiến đấu, bản chất giai cấp của Quân đội, đường lối tổ chức và cơ chế hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân

C. Bản chất cách mạng, mục tiêu, phương hướng chiến đấu, đường lối tổ chức và cơ chế hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân

D. Sức mạnh chiến đấu trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đường lối tổ chức và cơ chế hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân

[<br>]

Câu 24. Một trong những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam hiện nay:

A. Xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại

B. Nâng cao chất lượng huấn luyện, chú trọng xây dựng số lượng

C. Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí trang bị kỹ thuật của LLVTND

D. Chú trọng xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân vững mạnh về mọi mặt

[<br>]

Câu 25. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong điều kiện quốc tế đã thay đổi có nhiều diễn biến phức tạp, khu vực Đông Nam Á vẫn tiền ẩn những yếu tố nào?

A. Chủ nghĩa đế quốc đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

B. Tranh chấp khu vực Biển Đông ngày càng phức tạp

C. Chưa có tiếng nói chung trong giải quyết các vấn đề trong vực

D. Các nước lớn tăng cường ảnh hưởng của mình để lôi kéo các nước ASEAN

[<br>]

Bài 6. KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI VỚI

TĂNG CƯỜNG CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH

Câu 1: Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ diễn ra trên các khu vực nào?

1- Các vùng kinh tế trọng điểm; 2- Các vùng núi, biên giới;

3- Các vùng biển đảo; 4- Các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu.

A. Câu 1, 3 và 4 đều đúng B. Câu 1, 2 và 3 đều đúng

C. Câu 2, 3 và 4 đều đúng D. Câu 1, 2 và 4 đều đúng

Câu 2: Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong ngành công nghiệp thuộc nội dung nào sau đây?

A. Mở rộng liên doanh, liên kết giữa ngành công nghiệp nước ta với công nghiệp của các nước tiên tiến trên thế giới

B. Xây dựng các nhà máy xí nghiệp phải gần đơn vị quân đội để thực hiện các phương án bảo vệ

C. Xây dựng các nhà máy phải gần các trận địa phòng không để thực hiện các phương án bảo vệ

D. Liên doanh, liên kết mở rộng các hoạt động đối ngoại để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 3: Ăng ghen đã nói:

A. “Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh đều phụ thuộc vào điều kiện kinh tế”

B. “Bản chất xã hội của chiến tranh quyết định bản chất xã hội của nền kinh tế”

C. “Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh quyết định thắng lợi hay thất bại của nền kinh tế”

D. “Bản chất của chiến tranh quyết định bản chất kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội

Câu 4: Nội dung nào sau đây thuộc góc độ tích cực của sự tác động QP,AN đối với kinh tế?

A. Giải quyết tranh chấp giữa các nước

B. Là điều kiện cho các nước chạy đua vũ trang

C. Tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài

D. Tạo môi trường thuận lợi cho các nước xây dựng quân đội

Câu 5: Hãy chọn cụm từ đúng tương ứng vị trí (1) và (2) trong câu nói sau: “Quốc phòng là công việc giữ nước của một quốc gia, bao gồm tổng thể các hoạt động đối ngoại và đối nội trên tất cả các lĩnh vực: …...(1)…..., nhằm mục đích bảo vệ vững chắc……(2)…..., tạo môi trường thuận lợi để xây dựng đất nước”.

A. Chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, xây dựng đất nước (1); chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (2)

B. Kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội(1); độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (2)

C. Quốc phòng, an ninh (1); kinh tế - xã hội (2)

D. Xây dựng quốc phòng, an ninh (1); chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (2)

Câu 6: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay là:

A. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố QP-AN trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

B. Kết hợp trong phân vùng chiến lược với xây dựng các vùng kinh tế

C. Kết hợp trong xây dựng hậu phương với xây dựng thế trận QP-AN

D. Kết hợp trong xây dựng các vùng kinh tế với xây dựng thế trận QP-AN

Câu 7: Chọn câu trả lời sai: Nội dung nào không đúng với sự tác động của kinh tế đối với quốc phòng - an ninh?

A. Kinh tế quyết định nguồn gốc ra đời, sức mạnh quốc, an ninh

B. Quyết định phẩm chất chính trị, đạo đức lối sóng của lực lượng vũ trang

C. Quyết định việc cung cấp cơ sở vật chất kỹ thuật cho QP - AN

D. Kinh tế quyết định số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho QP - AN

Câu 8: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh gồm có nội dung nào?

A. Kết hợp trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân

B. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

C. Kết hợp chăm lo củng cố tiềm lực quốc phòng, thế trận an ninh nhân dân

D. Kết hợp củng cố tiềm lực quốc phòng và tiềm lực kinh tế

Câu 9: Các vùng kinh tế trọng điểm làm nòng cốt cho nội dung nào sau đây?

A. Là cơ sở xây dựng lực lượng quân đội và công an

B. Cho phát triển kinh tế của từng miền và cho cả nước

C. Xây lực lượng vũ trang nhân dân để bảo vệ Tổ quốc

D. Phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Câu 10: Nội dung của kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ?

A. Kết hợp xây dựng các cơ sở, kinh tế vững mạnh toàn diện, rộng khắp với xây dựng các căn cứ chiến đấu...

B. Xây dựng các khu công nghiệp trên toàn bộ lãnh thổ cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế...

C. Tập trung vào những khu vực vùng sâu, vùng xa để xây dựng các trung tâm phát triển kinh tế…

D. Cả 3 nội dung trên

Câu 11: Một trong những giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở nước ta hiện nay là:

A. Phát huy sức mạnh chiến lược với kết hợp xây dựng các vùng kinh tế

B. Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong các cơ quan quyền lực chủ yếu của nhà nước

C. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong thời kỳ mới

D. Củng cố kiện toàn các vùng kinh tế với xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh

Câu 12: Yếu tố nào vững mạnh sẽ tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội.

A. Tất cả đều đúng

B, Quốc phòng, an ninh

C, Chính Trị.

D, Văn hóa, xã hội

Câu 13:Tiềm lực quân sự, an ninh được xây dựng trên nền tảng nào?â

A.Tiềm lực kinh tế

B.Tiềm lực khoa học, công nghệ.

C.Tiềm lực chính trị tinh thần

D.Tất cả đều đúng.

Câu 14:Nội dung nào của sự phát triển kinh tế xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh được xác định là xuất phát từ mục tiêu, lực lượng và phương tiện bảo vệ tổ quốc, giữ vững an ninh quốc gia trong tình hình mới?

A.Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

B.Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc’

C. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế xã hội

D. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh phát triển các vùng lãnh thổ

Câu 15: Mục đích thủ đoạn chống phá về kinh tế của các thế lực thù địch đối với nước ta là gì?

A.Chuyển hoá nền kinh tế Việt Nam, gây sức ép chính trị, cấm viện trợ, chuyển giao côngnghệ.

B. Ngăn cảm sự giúp đỡ, viện trợ, chuyển giao công nghệ của các nước để gây sức ép chính trị.

C.Khích lệ kinh tế nhà nước phát triển trở thành thành phần kinh tế chủ đạo.

D. Chuyển hoá nền kinh tế Việt Nam theo quỹ đạo kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

Câu 16: Một trong những nội dung chống phá về kinh tế của chiến lược “Diễn biến hoà bình”

A. Khích lệ thành phần kinh tế tư nhân phát triển, từng bước làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước.

B. Khích lệ kinh tế 100% vốn nước ngoài phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của thành phầnkinh tế Nhà nước.

C. Khích lệ kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước.

D. Khích lệ kinh tế nhỏ và siêu nhỏ, làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước

Câu 17: Tiềm lực kinh tế trong nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:

A. Khả năng về tài chính để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

B. Khả năng về khoa học kỹ thuật để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh

C. Khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho QP-

AN

D. Tất cả đều đúng

Câu 18: Nội dung xây dựng tiềm lực kinh tế cuả nền QPTD:

A. Xây dựng nền công nghiệp, nông nghiệp theo hướng hiện đại .

B. Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

C. Xây dựng nền công nghiệp, lấy công nghiệp nặng làm then chốt

D. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng an ninh vững mạnh.

Câu 19: Kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh trong kháng chiến chống Pháp xâm lược Đảng ta đề ra chủ trương là:

A. Vừa tiến hành chiến tranh, vừa củng cố tiềm lực kinh tế

B. Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc

C. Vừa tăng gia sản xuất, vừa củng cố quốc phòng.

D. Vừa xây dựng làng kháng chiến, vừa tăng gia lao động sản xuất

Câu 20: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh là:

A. Kết hợp trong chiến lược phát triển công nghiệp hóa hiện đại hóa.

B. Kết hợp trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực để hiện đại hóa đất nước

C. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

D. Kết hợp trong xác định chiến lược về văn hóa tư tưởng

Câu 21: Kết hợp kinh tế với QPAN ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ cần phải quan tâm vấn đề gì?

1. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng lực lượng, thế trận QPAN

B. Kết hợp giữa phát triển kinh tế với xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng quần chúng

C. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp quốc phòng với xây dựng các thế trận phòng thủ

D. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với xây dựng các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội

Câu 22: Tại sao trong quy hoạch, kế hoach xây dựng các thành phố, các khu công nghiệp cần lựa chọn quy mô trung bình, phân tán, trải dài trên diện rộng ?

A. Do trình độ khoa học kỹ thuật công nghệ ở nước ta còn hạn chế.

B. Để hạn chế hậu quả tiến công hỏa lực của địch khi có chiến tranh.

C. Do nước ta còn nghèo chưa đủ trình độ xây dựng các khu công nghiệp lớn.

D. Để tận dụng tốt nguồn nhân lực tại chổ cho xây dựng thành phố,khu công nghiệp.

Câu 23: Một trong những nội dung kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh ở vùng biển, đảo cần tập trung là:

A. Có cơ chế chính sách thoả đáng để động viên khích lệ dân ra đảo bám trụ làm ăn lâu dài

B. Có cơ chế chính sách thoả đáng để động viên dân đầu tư tàu thuyền đánh bắt xa bờ.

C. Có cơ chế chính sách thoả đáng để động viên ngư dân thành lập các tổ chức tự vệ trên biển

D. Có cơ chế chính sách thoả đáng để ngư dân xây dựng các trận địa phòng thủ

Câu 24: Về kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh trong lâm nghiệp cần tập trung?

A. Đẩy mạnh phát triển trồng rừng gắn với công tác định canh định cư xây dựng các cơ sở chính trị

B. Đẩy mạnh khai thác, trồng rừng gắn với công tác định canh định cư xây dựng các tổ chức xã hội

C. Đẩy mạnh khai thác lâm sản, phát triển hệ thống giao thông, xây dựng các đoàn thể.

D. Đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo gắn với công tác luân chuyển dân cư, xây dựng cơ sở chính trị

Câu 25. Tìm câu trả lời Sai: Những biện pháp kết hợp kinh tế – xã hội với quốc phòng – an ninh?  
A. Trong từng chương trinh, dự án B. Tùy theo từng cuộc chiến tranh

C. Trong từng bước phát triển D. Theo vùng lãnh thổ

Câu 26. Tìm câu đúng: Yếu tố ảnh hưởng nhất đến việc kết hợp kinh tế – xã hội với quốc phòng –an ninh trong tình hình hiện nay?  
A. Sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của cách mạng khoa học và công nghệ  
B. Nguyên vọng của nhân dân lao động  
C. Do yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế  
D. Đòi hỏi khi vào tổ chức thương mại thế giới WTO

Câu 27. Một trong những nội dung ết hợp phát triển inh tế xã hội với tăng cường cương cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay là:  
A. Kết hợp trong xây dựng các vùng kinh tế với xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh  
B. Kết hợp trong phân vùng chiến lược với xây dựng các vùng kinh tế  
C. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ  
D. Kết hợp trong xây dựng hậu phương với xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh

Câu 28. Hãy tìm câu đúng: Thời điểm phát huy tác dụng của kết hợp kinh tế – xã hội với quốc phòng – an ninh trong xâydựng khu vực phòng thủ?  
A. Khi chiến tranh xảy ra B. Ngay trong thời bình

C. Trong liên doanh kinh tế. D. Khi chiến tranh kết thúc

Câu 29. Một trong những giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường cường cố QP-AN ở nước ta hiện nay là:  
A. Tăng cường củng cố QP-AN trong các cơ quan quyền lực chủ yếu của nhà nước  
B. Phát huy sức mạnh chiến lược với kết hợp xây dựng các vùng kinh tế  
C. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh  
D. Củng cố kiện toàn các vùng kinh tế với xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh

Câu 30. Tập trung của kết hợp KT-XH với QP-AN trong phát triển các vùng lãnh thổ?  
A. Kết hợp xây dựng các cơ sở, kinh tế vững mạnh toàn diện, rộng khắp với xây dựng các căn cứ chiến đấu...  
B. Xây dựng các khu công nghiệp trên toàn bộ lãnh thổ cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế...  
C. Tập trung vào những khu vực vùng sâu, vùng xa để xây dựng các trung tâm phát triển kinh tế…  
D. Cả ba nội dung trên đều đúng

Bài 7: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

I. TRUYỀN THỐNG ĐÁNH GIẶC VÀ NGHỆ THUẬT ĐÁNH GIẶC CỦA ÔNG CHA TA (22/57 câu; từ Câu 1 đến Câu 20)

[<br>]

Câu 1. Những yếu tố nào tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta?

1- Địa lý; 2- Lịch sử; 3- Kinh tế; 4- Chính trị, văn hóa - xã hội.

A. Nội dung 1, 2 và 4 đúng      B. Nội dung 1, 2 và 3 đúng

C. Nội dung 1, 3 và 4 đúng       D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 2. Nối thông tin (ngày/tháng/năm) tại cột (A) để phù hợp với nội dung các sự kiện tại cột (B):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A |  | B |
| Năm 40 |  | Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng |
| Năm 248 |  | cuộc khởi nghĩa của bà Triệu Thị Trinh |
| Năm 542 |  | cuộc khởi nghĩa của Lý Bôn |
| Năm 722 |  | Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan |
| Từ năm 766 đến 791 |  | Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng |
| Năm 938 |  | Chiến thắng quân Nam Hán trên cửa sông Bạch Đằng |

[<br>]

Câu 3. Nối nội dung các sự kiện tại cột (A) để phù hợp với thông tin tại cột (B):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A |  | B |
| Kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất |  | Do Nhà Tiền Lê lãnh đạo, năm 981 |
| Cuộc kháng chiến chống Tống lần 2 |  | Do Nhà Lý lãnh đạo, từ năm 1075 ÷ 1077 |
| Ba lần kháng chiến chống quân Nguyên |  | Do Nhà Trần lãnh đạo, thế kỉ XIII |
| Cuộc kháng chiến chống quân Minh |  | Do Hồ Quý Ly lãnh đạo, cuối thế kỉ XIV |
| Cuộc kháng chiến chống quân Xiêm 1784 – 1785, kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh 1788 – 1789 |  | Kết quả của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn |

[<br>]

Câu 4. Một số nội dung chủ yếu về nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta là:

1- Tư tưởng chỉ đạo tác chiến;

2- Nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn;

3- Nghệ thuật vừa đánh vừa nghi binh và đánh vu hồi;

4- Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh.

A. Nội dung 2, 3 và 4 đúng        B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 4 đúng     D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 5. Tìm câu trả lời ĐÚNG nhất, khi bàn về “Kế sách hàng đầu trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay”?

A. Xây dựng quân đội hùng mạnh

B. Xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh

C. Không ngừng hiện đại hóa quân đội

D. Không để xảy ra chiến tranh

[<br>]

Câu 6. Tư tưởng “Tiến công liên tục, mọi lúc mọi nơi” được xác định như thế nào trong chiến tranh giữ nước?

A. Quy luật để giành thắng lợi B. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt

C. Chiến lược cần thiết D. Kế hoạch linh hoạt

[<br>]

Câu 7. Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta là gì?

A. Chủ động tiến công, tiến công liên tục mọi lúc, mọi nơi, từ cục bộ đến toàn bộ

B. Tiến công liên tục mọi lúc, mọi nơi, đẩy mạnh tiến công từ nhỏ đến lớn

C. Chủ động phòng thủ, tiến công liên tục mọi lúc, mọi nơi từ cục bộ đến toàn bộ

D. Đẩy mạnh tiến công mọi lúc, mọi nơi từ cục bộ đến toàn bộ

[<br>]

Câu 8. Tìm câu trả lời ĐÚNG, khi nói về tư tưởng xuyên suốt của nghệ thuật quân sự Việt Nam là?

A. Tích cực, chủ động tiến công

B. Dựa vào quân số đông, lương thực nhiều

C. Dựa vào sức mạnh vũ khí

D. Phòng thủ vững chắc trong trận địa

[<br>]

Câu 9. Mục đích của mưu kế đánh giặc là gì?

A. Đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở B. Làm cho địch phải chú ý, phòng bị

C. Đánh địch theo ý định của ta D. Tạo thế mạnh để phản công

[<br>]

Câu 10. Về mưu kế đánh giặc trong chống giặc ngoại xâm để bảo vệ đất nước, ông cha ta đã kết hợp chặt chẽ những thứ quân nào?

A. Lực lượng quân địa phương, dân binh, thổ binh các làng xã cùng tham gia đánh địch

B. Quân triều đình, quân địa phương và dân binh, thổ binh các làng xã cùng đánh địch

C. Dân binh, thổ binh các làng xã cùng quân triều đình tham gia đánh địch trên chiến trường cả nước

D. Sử dụng quân triều đình, quân địa phương, thổ binh các làng xã cùng tham gia đánh địch

[<br>]

Câu 11. Tìm câu trả lời SAI, khi nói về “Kế sách đánh giặc của dân tộc ta”?

A. Mềm dẻo, khôn khéo

B. Đi cầu viện nước ngoài

C. Kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với binh vận, ngoại giao

D. Tạo thế mạnh của ta, phá thế mạnh của giặc, trong đó tiến công quân sự luôn,giữ vai trò quyết định

[<br>]

Câu 12. Nội dung cơ bản của thực hiện toàn dân đánh giặc là gì?

1- Mỗi thôn, xóm, làng là một pháo đài diệt giặc

2- Đánh giặc theo cương vị, chức trách của mỗi người dân

3- Cả nước tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân liên hoàn

4- Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều

A. Nội dung 2, 3 và 4 đúng        B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 3 đúng     D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 13. Nét độc đáo trong nghệ thuật chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc của ông cha ta được thể hiện cả trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng được xuất phát từ đâu?

A. Xuất phát từ lòng yêu nước thương nòi của nhân dân ta, từ tính chất tự vệ, chính nghĩa của các cuộc kháng chiến

B. Từ truyền thống đấu tranh dựng nước, giữ nước và từ các cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc ta

C. Được thể hiện trong lịch sử dựng nước, giữ nước và lòng yêu nước và ý chí căm thù giặc

D. Các cuộc chiến tranh giải phóng giành độc lập dân tộc bảo vệ Tổ quốc trong sự nghiệp đổi mới của đất nước

[<br>]

Câu 14. Trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm, nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh của ông cha ta đã sớm xác định sức mạnh trong chiến tranh đó là gì?

A. Chính trị, kinh tế và quân sự, an ninh   B. Kết hợp sức mạnh chính trị, kinh tế

C. Tiềm lực an ninh, kinh tế và quân sự    D. Sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố

[<br>]

Câu 15. Hãy tìm câu trả lời SAI, khi nói về nội dung cơ bản của nghệ thuật “Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh”:

A. Dựa vào cuộc chiến tranh tự vệ, chính nghĩa

B. Phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước, kiên cường chống ngoại xâm

C. Dựa vào quân đông, trang bị mạnh

D. Dựa vào sức mạnh tổng hợp, có chuyển hóa và phát triển

[<br>]

Câu 16. Mặt trận chính trị trong chiến tranh, sẽ giúp điều gì cho sự phát triển mạnh mẽ của quân đội?

1- Đề cao tính chính nghĩa của quân đội

2- Cổ vũ tinh thần yêu nước

3- Quy tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc

4- Tạo ra thế có lợi cho chiến tranh

A. Nội dung 2, 3 và 4 đúng        B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 4 đúng     D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 17. Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận, mỗi mặt trận có vị trí, tác dụng khác nhau nhưng cùng thống nhất ở mục đích gì?

A. Mục đích phát huy sức mạnh quân đội giành thắng lợi trong chiến tranh

B. Ở mục đích tạo ra sức mạnh để giành thắng lợi trong chiến tranh

C. Phát huy sức mạnh của toàn dân, quân đội triều đình làm nòng cốt

D. Đấu tranh trên mặt trận chính trị, quân sự giữ vai trò quyết định

[<br>]

Câu 18. Trận phòng ngự Sông Cầu (Như Nguyệt) do Lý Thường Kiệt lãnh đạo là điển hình của nghệ thuật quân sự:

A. Kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công trên cả quy mô chiến lược, chiến thuật

B. Kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công ở quy mô chiến dịch

C. Kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công ở quy mô chiến lược

D. Kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công ở quy mô chiến thuật

[<br>]

Câu 19. Kháng chiến chống giặc Nguyên – Mông lần 2 và lần 3, Hưng Đạo Vương - Trần Quốc Tuấn đã tổ chức các cuộc rút lui chiến lược nhằm mục đích:

A. Làm thất bại kế hoạch vây hợp của địch

B. Để thực hiện cuộc chiến tranh của toàn dân Đại Việt

C. Làm cho quân Nguyên – Mông bị sa vào tình trạng muốn đánh mà không đánh được, “lực càng yếu, thế càng suy”, tạo điều kiện cho ta phản công

D. Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài

[<br>]

Câu 20. Một trong những yếu tố giúp cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành được thắng lợi là:

A. Nghệ thuật tổ chức và tiến hành các trận đánh quyết định

B. Tư tưởng tác chiến chủ đạo “lánh chỗ thực, đánh chỗ hư, tránh nơi vững chắc, đánh nơi sơ hở”

C. Triều đình nhà Minh đã suy yếu

D. Biến cả nước thành chiến trường

[<br>]

Câu 21. Trận đánh Ngọc Hồi – Đống Đa do Vua Quang Trung - Nguyễn Huệ chỉ huy đây là điển hình của nghệ thuật quân sự:

A. Kết hợp chặt chẽ giữa yếu tố bí mật bất ngờ và tấn công tổng lực trên quy mô lớn

B. Kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công ở quy mô chiến dịch

C. Kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công ở quy mô chiến lược

D. Kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công ở quy mô chiến thuật

[<br>]

Câu 22. Nối nội dung nghệ thuật quân sự tại cột (A) để phù hợp với thông tin tại cột (B):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A |  | B |
| Kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công trên cả quy mô chiến lược, chiến thuật |  | Trận phòng ngự Sông Cầu (Như Nguyệt) do Lý Thường Kiệt lãnh đạo |
| Thực hiện các cuộc rút lui chiến lược, làm thất bại kế hoạch vây hợp của địch |  | Lần chống giặc Nguyên – Mông lần 2 và lần 3, Hưng Đạo Vương - Trần Quốc Tuấn lãnh đạo |
| Tư tưởng tác chiến chủ đạo “lánh chỗ thực, đánh chỗ hư, tránh nơi vững chắc, đánh nơi sơ hở” |  | Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn |
| Kết hợp chặt chẽ giữa yếu tố bí mật bất ngờ và tấn công tổng lực trên quy mô lớn |  | Trận đánh Ngọc Hồi – Đống Đa do Vua Quang Trung - Nguyễn Huệ chỉ huy |

II. NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM TỪ KHI CÓ ĐẢNG LÃNH ĐẠO (19/57 câu; từ Câu 23 đến Câu 41)

[<br>]

Câu 23. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam bao gồm những yếu tố nào?

1- Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh;

2- Truyền thống đánh giặc của tổ tiên;

3- Truyền thống lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh;

4- Chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.

A. Nội dung 1, 2 và 4 đúng      B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 3 đúng        D. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 24. Chọn câu trả lời SAI, khi nói về nội dung cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam?

A. Chiến lược quân sự      B. Chiến thuật

C. Nghệ thuật chiến dịch      D. Đường lối ngoại giao

[<br>]

Câu 25. Tìm câu SAI, khi xác định yếu tố tác động đến nghệ thuật quân sự Việt Nam hiện nay?

A. Truyền thống canh tác trong lĩnh vực nông nghiệp và phương pháp sản xuất công nghiệp

B. Việc mua sắm vũ khí

C. Tiềm năng quân sự của mỗi dân tộc

D. Yếu tố địa lí

[<br>]

Câu 26. Một trong những cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo là gì?

A. Học thuyết chủ nghĩa Mác - Lênin

B. Học thuyết về chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc

C. Học thuyết chủ nghĩa Mác - Lênnin về chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc

D. Học thuyết của Lênin về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc XHCN

[<br>]

Câu 27. Một số nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo:

1- Chiến thuật;

2- Phương châm và nghệ thuật tiến hành chiến tranh;

3- Chiến lược quân sự;

4- Nghệ thuật chiến dịch.

A. Nội dung 2, 3 và 4 đúng      B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 3 đúng         D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 28. Một số nội dung chiến lược quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo:

1- Phương châm và phương thức tiến hành chiến tranh;

2- Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến;

3- Phương châm và nghệ thuật tiến hành chiến tranh;

4- Đánh giá đúng kẻ thù.

A. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng     B. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 3 và 4 đúng         D. Nội dung 1, 2 và 4 đúng

[<br>]

Câu 29. Điền các từ thích hợp vào vị trí số (1) và số (2) để hoàn thiện khái niệm sau: “Chiến lược quân sự là tổng thể phương châm, …..(1)….. được hoạch định để ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh (xung đột vũ trang) thắng lợi, là bộ phận …..(2)….. có tác dụng chủ đạo trong nghệ thuật quân sự Việt Nam”

A. (1) chính sách và mưu lược / (2) hợp thành quan trọng nhất

B. (1) mưu lược và chính sách / (2) hợp thành quan trọng

C. (1) chính sách/ (2) hợp thành

D. (1) mưu lược/ (2) bộ phận

[<br>]

Câu 30. Chiến lược quân sự là gì?

A. Tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược hoạch định để thắng lợi

B. Chiến tranh cách mạng

C. Thành lập quân đội mạnh

D. Hòa bình và hòa giải

[<br>]

Câu 31. Mục tiêu chính của chiến lược quân sự là gì?

A. Đánh thắng kẻ thù

B. Ăn mừng sau chiến thắng

C. Không có mục tiêu cụ thể

D. Ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh thắng lợi

[<br>]

Câu 32. Tìm câu ĐÚNG khi nói về “Nội dung” của chiến lược quân sự?

1- Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến;

2- Đánh giá đúng kẻ thù;

3- Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc;

4- Phương châm tiến hành chiến tranh.

A. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng     B. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 3 và 4 đúng         D. Nội dung 1, 2 và 4 đúng

[<br>]

Câu 33. Một số nội dung nghệ thuật chiến dịch:

1- Loại hình chiến dịch;

2- Phương châm chiến dịch;

3- Quy mô chiến dịch;

4- Cách đánh chiến dịch.

A. Nội dung 2, 3 và 4 đúng         B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 3 đúng        D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 34. Điền các từ thích hợp vào vị trí số (1) và số (2) để hoàn thiện khái niệm sau: “Nghệ thuật chiến dịch là …..(1)….. chuẩn bị, thực hành chiến dịch và các hoạt động tác chiến tương đương và là …..(2)….. của nghệ thuật quân sự, khâu nối liền giữa chiến lược quân sự và chiến thuật”

A. (1) lý luận và thực tễn/ (2) bộ phận hợp thành

B. (1) thực tiễn và lý luận/ (2) hợp thành bộ phận

C. (1) lý luận/ (2) hợp thành

D. (1) thực tiễn/ (2) bộ phận

[<br>]

Câu 35. Nghệ thuật chiến dịch tập trung vào những vấn đề nào?

1- Loại hình chiến dịch

2- Quy mô chiến dịch

3- Cách đánh chiến dịch

4- Nghệ thuật tác chiến 3 thứ quân

A. Nội dung 2, 3 và 4 đúng         B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 3 đúng        D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 36. Đâu là chiến dịch nổi tiếng mà quân và dân ta đã tiến hành thắng lợi trong năm 1975?

A. Chiến dịch Điện Biên Phủ      B. Chiến dịch Biên giới

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh      D. Chiến dịch đường 9 Khe Sanh

[<br>]

Câu 37. Điền các từ thích hợp vào vị trí số (1) và số (2) để hoàn thiện khái niệm sau: “Chiến thuật là …..(1)….. về tổ chức và thực hành chiến đấu của phân đội, binh đội, binh đoàn lực lượng vũ trang, …..(2)….. của nghệ thuật quân sự Việt Nam”

A. (1) lý luận và thực tiễn/ (2) bộ phận hợp thành

B. (1) thực tiễn và lý luận/ (2) hợp thành bộ phận

C. (1) lý luận/ (2) hợp thành

D. (1) thực tiễn/ (2) bộ phận

[<br>]

Câu 38. Chiến thuật là gì?

A. Lý luận về hình thức chiến đấu của lực lượng vũ trang

B. Phương pháp hòa bình giải quyết mâu thuẫn

C. Tập luyện kỹ năng chiến đấu cho lính mới

D. Ôn tập kiến thức lịch sử quân sự

[<br>]

Câu 39. Chiến thuật trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ thường vận dụng các hình thức chiến thuật nào sau đây?

A. Tổ chức quân đội lớn và tiến công tổng lực

B. Tập kích, phục kích, vận động tiến công

C. Chiến đấu bền chặt trước mặt địch

D. Thực hiện chiến dịch quy mô nhỏ

[<br>]

Câu 40. Quy mô lực lượng tham gia các trận chiến trong chiến thuật tăng lên ở giai đoạn nào của cuộc kháng chiến?

A. Giai đoạn đầu B. Giai đoạn giữa

C. Giai đoạn cuối D. Khi đã giải phóng thành công

[<br>]

Câu 41. Tìm câu ĐÚNG, khi nói về “Cách đánh” trong nội dung nghệ thuật chiến thuật?

A. Là nội dung cơ bản của lý luận nghệ thuật chiến thuật.

B. Mỗi binh chủng, mỗi hình thức chiến thuật đều có những cách đánh cụ thể, phù hợp với đối tượng và địa hình.

C. Cách đánh của ta thể hiện tính tích cực, chủ động tiến công, bám thắt lưng địch, chia địch ra mà đánh, trói địch lại mà diệt.

D. Kết hợp chặt chẽ giữa hành động tiến công và phòng ngự của 3 thứ quân để hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao

III. VẬN DỤNG MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VÀO SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG THỜI KỲ MỚI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA SINH VIÊN (16/57 câu; từ Câu 42 đến Câu 57)

[<br>]

Câu 42. Một số nội dung bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự được vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới là:

1- Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch;

2- Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc;

3- Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời, mưu kế;

4- Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu.

A. Nội dung 1, 2 và 4 đúng      B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 2, 3 và 4 đúng            D. Nội dung 1, 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 43. Tư tưởng nào luôn được nhấn mạnh trong nghệ thuật quân sự của cha ông ta trước đây?

A. Tư tưởng phòng thủ B. Tư tưởng tích cực tiến công

C. Tư tưởng phòng không D. Tư tưởng đánh thuê

[<br>]

Câu 44. Theo nguyên tắc đánh giá mạnh yếu của địch và ta, chúng ta cần phải phát huy sức mạnh của lực lượng nào?

A. Lực lượng kinh tế B. Lực lượng quân sự

C. Mọi lực lượng D. Lực lượng chính trị

[<br>]

Câu 45. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc được xem như là sự kế thừa và phát huy từ đâu?

A. Nghệ thuật quân sự hiện đại

B. Nghệ thuật quân sự truyền thống của dân tộc

C. Nghệ thuật quân sự của các nước khác

D. Nghệ thuật quân sự cổ điển

[<br>]

Câu 46. Để thay đổi cục diện chiến tranh, chúng ta cần tiến công toàn diện trên mọi mặt trận, đặc biệt là mặt trận nào?

A. Mặt trận quân sự B. Mặt trận chính trị

C. Mặt trận xã hội D. Mặt trận kinh tế

[<br>]

Câu 47. Một trong những nội dung bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự được vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới là:

A. Vận dụng các hình thức chiến thuật vào các trận chiến đấu

B. Quán triệt các loại hình tác chiến trong một chiến dịch

C. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời, mưu kế

D. Vận dụng các hình thức và quy mô lực lượng tham gia trong các trận chiến đấu

[<br>]

Câu 48. Để dùng lực hiệu quả, ta cần phải dựa vào yếu tố nào?

A. Thời cơ B. Lợi thế C. Mưu kế D. Thế mạnh

[<br>]

Câu 49. Luận điểm “Sức dùng một nửa mà công được gấp đôi" ám chỉ việc dùng thế, lực vào thời cơ nào?

A. Khi cần dùng mưu kế B. Khi địch mạnh

C. Khi có thời cơ có lợi D. Khi địch yếu

[<br>]

Câu 50. Vận dụng tư tưởng "lấy ít địch nhiều" có ý nghĩa gì trong thời đại hiện nay?

A. Tạo ra sức mạnh lớn hơn địch

B. Phân chia lực lượng ra để phòng thủ

C. Phát huy khả năng đánh giặc của toàn dân

D. Sử dụng vũ khí hạt nhân để đe dọa địch

[<br>]

Câu 51. Trong quá trình vận dụng nghệ thuật quân sự "lấy ít địch nhiều", điểm cần chú trọng nhất là?

A. Tăng cường hợp tác quốc tế B. Kích thích nguyên tắc tự vệ

C. Phân chia lực lượng ra để tấn công D. Tập trung ưu thế lực lượng cần thiết

[<br>]

Câu 52. Một trong những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự được vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời ký mới là:

A. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu

B. Vận dụng các hình thức chiến thuật vào các trận chiến đấu

C. Quán triệt các loại hình tác chiến trong một chiến dịch

D. Vận dụng các hình thức và quy mô lực lượng tham gia trong các trận chiến đấu

[<br>]

Câu 53. Mục tiêu chung nhất của mọi hoạt động tác chiến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là gì?

A. Tiêu hao lực lượng địch

B. Tiêu diệt lực lượng địch

C. Đánh tiêu hao và bảo vệ vững chắc mục tiêu

D. Đánh tiêu diệt quân địch lớn

[<br>]

Câu 54. Đánh tiêu hao rộng rãi bằng “Đánh nhỏ, đánh vừa” của chiến tranh nhân dân địa phương sẽ tạo điều kiện gì cho tác chiến tập trung của chiến tranh?

A. Đánh tiêu hao B. Đánh tiêu diệt lớn quân địch

C. Bảo vệ mục tiêu D. Thực hiện đánh lớn

[<br>]

Câu 55. Thế nào là vấn đề có tính quy luật trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc?

A. Đánh tiêu hao và bảo vệ vững chắc mục tiêu

B. Bảo vệ mục tiêu của ta

C. Đánh tiêu diệt quân địch lớn

D. Thực hiện đánh lớn

[<br>]

Câu 56. Tại sao nói: Trách nhiệm của học sinh, sinh viên rất nặng nề đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong giai đoạn hiện nay?

A. Vì học sinh không cần phải quan tâm đến chính trị

B. Vì đất nước đang đối mặt với kẻ thù muốn xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa

C. Vì chỉ có người lớn mới phải quan tâm đến vấn đề nước non

D. Vì học sinh chỉ cần biết học và làm bài tập

[<br>]

Câu 57. Mục đích của việc nghiên cứu, tìm hiểu những nội dung của nghệ thuật quân sự trong truyền thống đánh giặc của cha ông ta?

A. Bảo vệ non sông đất nước

B. Tự hào về tinh thần dũng cảm của cha ông

C. Tự hào về ý chí kiên cường trong chống giặc ngoại xâm

D. Bảo vệ mục tiêu

[<br>]

Bài 8. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

- Phần 1: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

<br> Quốc gia là một thực thể pháp lý được cấu thành bởi các yếu tố nào?

A. Lãnh thổ, dân cư, quyền lực công cộng

B. Lãnh thổ, bản sắc văn hóa, chính quyền nhà nước

C. Vùng đất, vùng nước, vùng trời

D. Dân cư, lãnh thổ, khí hậu thời tiết

<br> Mối quan hệ giữa quốc gia và lãnh thổ như thế nào?

A. Lãnh thổ quốc gia được hình thành, xác lập từ quốc gia

B. Lãnh thổ được hình thành, tồn tại trong phạm vi quốc gia

C. Quốc gia hình thành, tồn tại và phát triển cùng với lãnh thổ

D. Quốc gia được hình thành, tồn tại, phát triển trong phạm vi lãnh thổ

<br> Lãnh thổ quốc gia được hình thành bởi mấy bộ phận?

A. Vùng đất, vùng biển, vùng trời thuộc lãnh thổ quốc gia

B. Vùng đất, vùng nước, vùng nội thủy và nội địa

C. Vùng đất, vùng biển, vùng trời và lãnh thổ quốc gia đặc biệt

D. Vùng đất, vùng trời, vùng nội thủy và vùng đặc quyền kinh tế

<br> Vùng đất của quốc gia bao gồm:

A. Vùng đất lục địa và các đảo thuộc chủ quyền quốc gia

B. Toàn bộ vùng đất lục địa và các quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia

C. Toàn bộ vùng đất lục địa và các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia

D. Vùng đất lục địa và các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia

<br> Vùng trời quốc gia là:

A. Không gian bao trùm trên vùng đất quốc gia

B. Không gian bao trùm trên vùng đất, vùng đảo quốc gia

C. Không gian bao trùm trên vùng đất, vùng nước quốc gia

D. Không gian bao trùm trên vùng đảo và vùng biển quốc gia

<br> Vùng lãnh hải rộng bao nhiêu hải lý và tính từ đâu?

A. 12 hải lí tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải

B. 24 hải lí tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải

C. 12 hải lí tính từ vùng đặc quyền kinh tế

D. 12 hải lí tính từ đường bờ biển

<br> Vùng nội thủy là vùng nước:

A. Nằm ngoài đường cơ sở

B. Bên trong đường cơ sở

C. Nằm trong vùng lãnh hải

D. Dùng để tính chiều rộng lãnh hải

<br> Theo công ước LHQ về luật biển 1982, vùng đặc quyền kinh tế được qui định là?

A. Vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ bờ biển.

B. Vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

C. Vùng biển bên ngoài lãnh hải, mở rộng không quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

D. Vùng biển bên ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải, mở rộng không quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

<br> Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là quyền gì?

A. Tuyệt đối và riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ của quốc gia đó

B. Hoàn toàn, riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của quốc gia đó

C. Tối cao, tuyệt đối và hoàn toàn riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của quốc gia đó

D. Tuyệt đối của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ của quốc gia đó

<br> Một trong những nội dung chủ quyền của quốc gia trên lãnh thổ quốc gia là:

A. Quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế

B. Không được tự do lựa chọn lĩnh vực kinh tế

C. Do các thế lực bên ngoài can thiệp vào nội bộ

D. Do có sự chi phối bởi các nước trong khu vực

- Phần 2: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

<br> Một số yếu tố cơ bản cấu thành biên giới quốc gia là:

1- Biên giới quốc gia trên đất liền;

2- Biên giới quốc gia trên không;

3- Biên giới quốc gia đặc biệt;

4- Biên giới quốc gia trong lòng đất;

A. 1, 2, 4 đúng

B. 1, 3, 4 đúng

C. 1, 2, 3 đúng

D. 2, 3, 4 đúng

<br> Một trong những nội dung về khái niệm biên giới quốc gia là gì?

A. Là đường lãnh thổ của một quốc gia

B. Là giới hạn ngoài của mặt đất quốc gia

C. Là mặt phẳng giới hạn không gian của một quốc gia

D. Là giới hạn lãnh thổ của một quốc gia

<br> Phương pháp cố định đường biên giới quốc gia KHÔNG có nội dung nào sau:

A. Dùng đường phát quang

B. Đặt mốc quốc giới

C. Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới

D. Cử lực lượng canh gác giữ quốc giới

<br> Một trong các phương pháp cố định đường biên giới quốc gia là gì?

A. Xây dựng làng biên giới

B. Xây tường mốc biên giới

C. Đặt mốc quốc giới

D. Xây dựng ranh giới quốc giới

<br> Đường biên giới quốc gia trên đất liền của Việt Nam dài bao nhiêu km?

A. 4.540 km

B. 4.530 km

C. 4.520 km

D. 4.510 km

<br> Việt Nam có chung đường biên giới quốc gia trên đất liền với những quốc gia nào?

A. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Mianma

B. Trung Quốc, Malaysia, Indonesia

C. Trung Quốc, Lào, Campuchia

D. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia

<br> Các quốc gia khác có quyền gì ở vùng lãnh hải của quốc gia ven biển?

A. Tự do hàng hải

B. Tự do sử dụng

C. Không được phép đi qua

D. Đi qua không gây hại

<br> Đường biên giới quốc gia trên biển là đường như thế nào?

A. Là đường cách mép nước 12 hải lý.

B. Là đường cách đường cơ sở 12 hải lý.

C. Là đường giới hạn phía ngoài của vùng nước nội thuỷ.

D. Là đường cách mép nước 12 hải lý khi mực nước biên lên cao nhất.

<br> Thế nào là đường cơ sở (dùng để tính chiều rộng lãnh hải) của Việt Nam?

A. Là đường thẳng nối liền các đảo tại ngấn thuỷ triều thấp nhất dọc theo bờ biển được Nhà nước ta lựa chọn và công bố

B. Là đường nối liền các đảo tại ngấn thuỷ triều lên cao nhất dọc theo bờ biển được Nhà nước ta lựa chọn và công bố

C. Là đường gấp khúc nối liền các điểm dọc theo bờ biển hoặc các đảo gần bờ tại ngấn thủy triều thấp nhất được Nhà nước ta lựa chọn và công bố

D. Là đường gấp khúc, khép kín tại các đảo gần bờ, nhô cao hơn mặt nước biển được Nhà nước ta lựa chọn và công bố

<br> Xây dựng khu vực biên giới quốc gia vững mạnh toàn diện gồm nội dung gì?

A. Vững mạnh về văn hóa, khoa học kĩ thuật, du lịch và dịch vụ

B. Vững mạnh về chính trị, kinh tế - xã hội và quốc phòng – an ninh

C. Mạnh về tư tưởng - văn hóa, trồng cây gây rừng, phát triển kinh tế

D. Mạnh về quân sự - an ninh, văn hóa, du lịch

- Phần 3: QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

<br> Trách nhiệm trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia được xác định như thế nào?

A. Là trách nhiệm của toàn lực lượng vũ trang và toàn dân

B. Là trách nhiệm của toàn Đảng và các tổ chức xã hội

C. Là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân

D. Là trách nhiệm của giai cấp, của Đảng và quân đội

<br> Vì sao chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia là thiêng liêng bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam ?

A. Chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia là quá trình dựng nước và giữ nước của ông cha ta

B. Chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia là sự kế thừa và phát triển đất nước, dân tộc và con người Việt Nam

C. Chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia là kết quả đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam

D. Chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia là sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

<br> Quan điểm của Đảng và nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là gì?

A. Chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia là bộ phận không thể tách rời của quốc gia Việt Nam

B. Chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia là yếu tố cơ bản bảo đảm cho sự ổn định bền vững của nhà nước Việt Nam

C. Chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia là nơi phát triển con người và những giá trị của dân tộc Việt Nam

D. Chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia là thiêng liêng bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam

<br> Một số quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là:

1- Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng bất khả xâm phạm;

2- Đây là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong giai đoạn hiện nay;

3- Giải quyết các vấn đề tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ, biên giới thông qua đàm phán hòa bình;

4- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng;

A. 1, 3, 4 đúng

B. 1, 2, 3 đúng

C. 1, 2, 4 đúng

D. 2, 3, 4 đúng

<br> Câu 83. Một số quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là:

1- Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng bất khả xâm phạm;

2- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung quan trọng của cách mạng;

3- Giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới là nhiệm vụ cấp bách, hàng đầu trong giai đoạn hiện nay;

4- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng;

A. 1,2,3 đúng

B. 1,3,4 đúng

C. 1,2,4 đúng

D. 2,3,4 đúng

<br> Một số quan điểm của Đảng và Nhà nước về xõy dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là:

1- Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng bất khả xâm phạm;

2- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung quan trọng của cách mạng;

3- Giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới thông qua đàm phán hòa bình;

4- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là nhiệm vụ cấp bách, hàng đầu trong

giai đoạn hiện nay;

A. 1,2,3 đúng

B. 1,3,4 đúng

C. 1,2,4 đúng

D. 2,3,4 đúng

<br> Nội dung, biện pháp xây dựng và quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia không đúng?

A. Xây dựng khu vực biên giới quốc gia vững mạnh toàn diện

B. Vận động quần chúng nhân dân ở biên giới tham gia tự quản đường biên

C. Xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh

D. Tăng cường hoạt động ngoại giao khu vực biên giới

<br> Một số quan điểm của Đảng và Nhà nước về xõy dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ,

biên giới quốc gia là:

1- Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng bất khả xâm phạm;

2- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là nhiệm vụ cấp bách, hàng đầu trong giai đoạn hiện nay;

3- Giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới thông qua đàm phán hòa bình;

4- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng;

A. 1,2,3 đúng

B. 1,3,4 đúng

C. 1,2,4 đúng

D. 2,3,4 đúng

<br> Một số quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là:

1- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là nhiệm vụ cấp bách, hàng đầu trong giai đoạn hiện nay;

2- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung quan trọng của cách mạng;

3- Giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới là nhiệm vụ cấp bách, hàng đầu trong giai đoạn hiện nay;

4- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng;

A. 1,2 đúng

B. 1,3 đúng

C. 2,4 đúng

D. 3,4 đúng

<br> Trách nhiệm sinh viên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia?

A. Thực hiện tốt Luật nghĩa vụ quân sự, chống lại sự xâm phạm về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

B. Thực hiện tốt chương trình GDQP-AN trong Nhà trường

C. Tham gia tích cực công tác tuyên truyền về lãnh thổ, biên giới Quốc gia, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

D. Tất cả các ý trên

Bài 9: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN QUỐC PHÒNG

Câu 1. Dân quân tự vệ có vị trí, vai trò như thế nào?

a) Là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân;

b) Là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở;

c) Làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

d) Tất cả a, b, c đều đúng

Câu 2. Dân quân tự vệ có bao nhiêu nhiệm vụ được quy định trong Luật DQTV năm 2019?

a) 5 nhiệm vụ.

b) 6 nhiệm vụ.

c) 7 nhiệm vụ.

d) 8 nhiệm vụ.

Câu 3. Thành phần của DQTV được quy định trong Luật DQTV năm 2019?

a) Dân quân tự vệ tại chỗ; Dân quân tự vệ cơ động; Dân quân thường trực; Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế.

b) Dân quân tự vệ tại chỗ; Dân quân thường trực; Dân quân tự vệ biển; Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế.

c) Dân quân tự vệ tại chỗ; Dân quân tự vệ cơ động; Dân quân thường trực; Dân quân tự vệ biển; Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh.

d) Dân quân tự vệ tại chỗ; Dân quân tự vệ cơ động; Dân quân thường trực; Dân quân tự vệ biển; Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế.

Câu 4. Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và cơ quan, tổ chức gồm những thành phần nào?

a) Chỉ huy trưởng; phó chỉ huy trưởng hậu cần.

b) Chỉ huy trưởng; Chính trị viên; Phó Chỉ huy trưởng; Chính trị viên phó.

c) Chỉ huy trưởng; Phó Chỉ huy trưởng; Trung đội trưởng DQCĐ.

d) Chỉ huy trưởng; Chính trị viên; Chính trị viên phó .

Câu 5. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ cần chú ý phương châm gì?

a) Vững mạnh, rộng khắp, toàn diện.

b) Vững mạnh, rộng khắp.

c) Xây dựng toàn diện sẵn sàng chiến đấu cao.

d) Xây dựng toàn diện, coi trọng chất lượng chính trị là chính.

Câu 6. Nội dung nào sau đây là một trong các nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ?

a) Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Là một lực lượng chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và phong trào toàn dân đánh giặc.

c) Đối phó với chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và sẵn sàng chiến đấu chống mọi tình huống chiến tranh xâm lược của các thế lực thù địch.

d) Là một công cụ chủ yếu để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, trực tiếp ở từng địa phương bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước ở cơ sở.

Câu 7. Dân quân tự vệ là gì?

a) Là một bộ phận của lực lượng công an nhân dân

b) Là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân

c) Là một bộ phận của quân đội nhân dân Việt Nam

d) Là lực lượng vũ trang quần chúng thoát ly sản xuất công tác

Câu 8. Theo Luật Dân quân tự vệ năm 2019, thành phần của Dân quân tự vệ?

1- Dân quân tự vệ cơ động.

2- Dân quân tự vệ tại chỗ.

3- Dân quân tự vệ biển.

4- Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế.

A. 1,2,3,4 đúng B. 1,2,3 đúng C. 2,3,4 đúng D. 1,3,4 đúng

Câu 9. Huấn luyện quân sự cho Dân quân tự vệ thực hiện theo chương trình của…?

a) Bộ Quốc phòng.

b) Bộ Công an.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Câu 10. Lực lượng dân quân được thành lập ở...

a) Xã, phường, thị trấn.

b) Cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp.

c) Các xí nghiệp, nhà máy trong quân đội.

d) Cả 3 phương án trên.

Câu 11. Lực lượng tự vệ được thành lập ở...

a) Xã, phường, thị trấn.

b) Cơ quan, tổ chức.

c) Các xã trọng điểm về quốc phòng an ninh.

d) Cả 3 phương án trên.

Câu 12. Vai trò của lực lượng dân quân tự vệ như thế nào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

a) Dân quân tự vệ là một lực lượng cơ bản trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Dân quân tự vệ là một lực lượng chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

c) Dân quân tự vệ là một lực lượng quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

d) Dân quân tự vệ là một lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 13. Lực lượng dự bị động viên gồm những thành phần nào sau đây?

a) Công dân nam hết 27 tuổi chưa qua phục vụ tại ngũ; công dân nữ có chuyên môn cần cho quân đội.

b) Sĩ quan dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị được sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên phải có tỷ lệ dự phòng thích hợp theo quy định.

c) Quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị được đăng ký, quản lý và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên.

d) Sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan - binh sĩ dự bị.

Câu 14. Quân nhân dự bị bao gồm…?

a) Sĩ quan dự bị và quân nhân chuyên nghiệp dự bị.

b) Sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan - binh sĩ dự bị.

c) Sĩ quan dự bị và hạ sĩ quan - binh sĩ dự bị.

d) Quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan - binh sĩ dự bị.

Câu 15. Đồng chí cho biết nội dung nào sau đây là nguyên tắc xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên?

a) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có trình độ chiến đấu cao và được quản lý chặt chẽ.

c) Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân.

d) Tất cả phương án trên.

Câu 16. Một trong những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên là: Phải phát huy sức mạnh tổng hợp của…?

a) Lực lượng vũ trang nhân dân.

b) Khối liên minh công nông và trí thức.

c) Cả hệ thống chính trị.

d) Cấp ủy, chính quyền địa phương.

Câu 17. Quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên là: Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải…?

a) Bảo đảm số l­ượng đủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện như­ng có trọng tâm, trọng điểm.

b) Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

c) Đặt d­ưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp ở địa ph­ương, bộ, ngành.

d) Tất cả các phương án trên.

Câu 18. Lực lượng dự bị động viên được xây dựng để bổ sung cho lực lượng nào dưới đây?

a) Lực lượng dân quân thường trực.

b) Lực lượng dân quân cơ động.

c) Lực lượng thường trực của quân đội.

d) Lực lượng thường trực của công an.

Câu 19. Quân nhân dự bị bao gồm những thành phần nào sau đây?

1- Sĩ quan thường trực.

2- Sĩ quan dự bị.

3- Quân nhân chuyên nghiệp dự bị.

4- Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.

A. 1,2,3 đúng B. 2,3,4 đúng C. 1,3,4 đúng D. 1,2,4 đúng

Câu 20. Lực lượng nào sau dây không phải là thành phần của Quân nhân dự bị?

a) Sĩ quan dự bị. b) Dân quân tự vệ.

c) Quân nhân chuyên nghiệp dự bị. d) Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.

Câu 21. Mục đích của việc xây dựng lực lượng dự bị động viên là gì?

a) Nhằm duy trì tiềm lực quốc phòng, là yếu tố góp phần quyết định sự thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

b) Nhằm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa phương.

c) Nhằm sử dụng hợp lý nguồn nhân lực trong các ngành nghề để phát triển kinh tế.

d) Nhằm giữ vững ổn định để phát triển đất nước.

Câu 22. Tìm câu đúng. Thực chất của xây dựng lực lượng dự bị động viên là gì?

a) Là chuẩn bị lực lượng để bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong mọi tình huống.

b) Là một mặt của công tác xây dựng phong trào quốc phòng - an ninh tại địa phương.

c) Là sử dụng hợp lý nguồn nhân lực trong các ngành nghề của nền kinh tế.

d) Là một hoạt động nhằm huy động nguồn nhân lực cho xã hội.

Câu 23. Những nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên gồm?

1- Tạo nguồn, đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên.

2- Tổ chức, biên chế đơn vị dự bị động viên.

3- Giáo dục chính trị, huấn luyện diễn tập, kiểm tra đơn vị DBĐV.

4- Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính cho xây dựng LLDBĐV.

A. 1,2,3 đúng B. 1,3,4 đúng C. 2,3,4 đúng D. 1,2,3,4 đúng

Câu 24. Những nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên gồm?

1- Tạo nguồn, đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên.

2- Tổ chức, biên chế đơn vị dự bị động viên.

3- Giáo dục chính trị, huấn luyện diễn tập, kiểm tra đơn vị DBĐV.

4- Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị.

A. 1,2,3 đúng B. 1,3,4 đúng C. 2,3,4 đúng D. 1,2,3,4 đúng

Câu 25. Một trong những biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên là gì?

a) Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham m­ưu và tổ chức thực hiện.

b) Phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong xây dựng lực lượng dự bị động viên.

c) Tăng cường quản lý quân số, nâng cao chất lượng công tác tuyển quân.

d) Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế.

Câu 26. Động viên quốc phòng là gì?

a) Là tổng thể các hoạt động và biện pháp huy động mọi nguồn lực của đất nước hoặc một số địa phương phục vụ cho quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

b) Là động viên toàn thể người dân tham gia vào nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

c) Là động viên người dân ủng hộ phương tiện vật chất cho nhiệm vụ quốc phòng.

d) Là động viên tất cả các nguồn lực cho nhiệm vụ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Câu 27. Động viên quốc phòng hiện nay có mấy nhiệm vụ?

a) 4 nhiệm vụ.

b) 5 nhiệm vụ.

c) 6 nhiệm vụ.

d) 7 nhiệm vụ.

Câu 28. Đâu là nhiệm vụ của động viên quốc phòng?

a) Động viên mọi nguồn lực của nền kinh tế quốc dân bảo đảm cho quốc phòng.

b) Động viên bảo đảm nhu cầu quốc phòng năm đầu chiến tranh.

c) Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên; xây dựng và mở rộng lực lượng dân quân tự vệ.

d) Tất cả các phương án trên.

Câu 29. Nhiệm vụ của động viên quốc phòng là gì?

a) Động viên công nghiệp.

b) Chuyển tổ chức, hoạt động của các Bộ, ngành trung ương, địa phương từ thời bình sang thời chiến.

c) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

d) Tất cả các phương án trên.

Câu 30. Đâu là giải pháp thực hiện động viên quốc phòng hiện nay?

a) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước đối với công tác động viên quốc phòng.

b) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách động viên quốc phòng.

c) Nâng cao hiệu quả kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với chuẩn bị nguồn lực động viên quốc phòng.

d) Tất cả các phương án trên.

BÀI 10:

XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

[<br>]

Câu 1. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

A. Hình thức hoạt động có tổ chức của cơ quan công an xã, phường, thị trấn

B. Hình thức hoạt động có tổ chức phối hợp giữa lực lượng công an và quân sự cơ sở

C. Hình thức hoạt động bắt buộc, có tổ chức đông đảo nhân dân lao động tham gia

D. Hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia

[<br>]

Câu 2. Loại hình tổ chức quần chúng có chức năng quản lý, điều hành công tác an ninh trật tự ở thôn, ấp, bản, làng, khu phố, cơ quan, doanh nghiệp lớn là:

A. Ban an ninh trật tự; Ban bảo vệ dân phố

B. Tổ an ninh nhân dân, Tổ an ninh công nhân, Đội dân phòng

C. Tổ tự quản, đội thanh niên xung kích an ninh

D. Tất cả các phương án trả lời trên đều đúng

[<br>]

Câu 3. Tổ an ninh nhân dân (Tổ tự quản) được tổ chức ở:

A. Ấp, bản, làng, khu phố

B. Cơ quan doanh nghiệp, phân xưởng, xí nghiệp, công ty

C. Thôn, ấp, xóm, tổ dân phố

D. Tất cả các phương án trả lời trên đều đúng

[<br>]

Câu 4. Đâu là mục đích khi nghiên cứu chuyên đề: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

1- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

2- Vận dụng linh hoạt các hình thức của công tác vận động quần chúng tham gia vào phong trào bảo vệ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở;

3- Giúp người học nhận thức đúng về vai trò của quần chúng nhân dân trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

4- Có ý thức tự giác, tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở;

A. Nội dung 1, 2 và 4 đúng B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 3 đúng D. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 5. Đâu là những yêu cầu khi nghiên cứu chuyên đề: “Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”?

1- Nâng cao tính tự giác, tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự;

2- Nhận thức đúng vai trò của quần chúng nhân dân trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

3- Nắm chắc các hình thức của công tác vận động quần chúng tham gia phong trào bảo vệ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở;

4- Nắm chắc các biện pháp của công tác tổ chức vận động quần chúng tham gia phong trào bảo vệ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở;

A. Nội dung 1, 2 và 4 đúng B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 3 đúng D. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 6. Luận điểm: “Quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển của xã hội, chính nhân dân lao động là lực lượng làm nên lịch sử” có ý nghĩa gì?

1- Một sự chuyển chuyển biến cách mạng trong nhận thức;

2- Cơ sở lý luận cho Đảng của gia cấp vô sản;

3- Động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội;

4- Là nội dung thể hiện tính duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác-Lênin;

A. Nội dung 1 và 4 đúng B. Nội dung 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1 và 2 đúng D. Nội dung 2 và 3 đúng

[<br>]

Câu 7. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng ta có quan điểm về quần chúng nhân dân khác với triết học duy tâm và chế độ Quân chủ - tư sản như thế nào?

A. Quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển của xã hội

B. Quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển kinh tế, chính trị

C. Quần chúng nhân dân quyết định sự tồn tại của xã hội

D. Quần chúng nhân dân quyết định thắng lợi trong lịch sử

[<br>]

Câu 8. Đâu là quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vai trò của quần chúng nhân dân?

1- Là lực lượng cách mạng đông đảo;

2- Nền tảng của đất nuớc, gốc rễ của dân tộc;

3- Động lực cho sự phát triển của xã hội;

4- Là lực lượng có hạn, cần được chăm lo xây dựng và bồi dưỡng thương xuyên;

A. Nội dung 1, 2 và 4 đúng B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 3 đúng D. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 9. Theo quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, tầng lớp nào là động lực chính để thúc đẩy sự thay đổi và phát triển của xã hội?

A. Quần chúng nhân dân B. Giai cấp công nông

C. Tầng lớp trí thúc D. Các thành phần kinh tế

[<br>]

Câu 10. Sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương sẽ được phát huy khi nào?

A. Quần chúng được tổ chức thành phong trào cụ thể

B. Nhân dân được tuyên truyền, vận động hướng dẫn

C. Cơ quan, đơn vị, địa phương, gia đình được ổn định

D. Các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh

[<br>]

Câu 11. Lực lượng nào giữ vai trò nòng cốt trong công tác vận động, hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

A. Công an nhân dân B. Quân đội nhân dân

C. Lực lượng vũ trang nhân dân D. Lực lượng vũ trang và dân quân tự vệ

[<br>]

Câu 12. Vai trò của quần chúng nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc là gì?

1- Phát hiện, quản lý, giáo dục đối tượng phạm tội để thu hẹp tội phạm;

2- Phát hiện khác phục sợ hở, thiết sót mà địch và tội phạm hay lợi dụng;

3- Giúp mọi người nhận diện được dấu hiệu và biết cách phòng ngừa tội phạm;

4- Tham gia bảo vệ an ninh trật tự, giúp cơ quan chuyên trách hoàn thành tôt nhiệm vụ;

A. Nội dung 1, 2 và 3 đúng B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 4 đúng D. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 13. Hướng dẫn cho quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm mục đích gì?

1- Xây dựng được phong trào giữ gìn an ninh trật tự và phòng chống tội phạm;

2- Giúp cơ quan chức năng đấu tranh chống tội phạm;

3- Giúp quần chúng nhân dân chủ động phát hiện tội phạm;

4- Giúp quần chúng nhân dân biết cách phòng ngừa tội phạm;

A. Nội dung 1, 2 và 3 đúng B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 4 đúng D. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 14. Tìm từ đúng điền vào chỗ trống để hoàn thiện khái niệm: “Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức hoạt động ..............của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn TTATXH, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân”.

A. tự giác, có tổ chức B. tự phát có tổ chức

C. phong trào, có tổ chức D. công khai, có tổ chức

[<br>]

Câu 15. Đâu là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc là gì?

A. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với tội phạm

B. Tập hợp lực lượng quần chúng tham gia bảo vệ bảo vệ an ninh Tổ quốc

C. Tạo điêu kiện để quần chúng nhân dân thực hiện quyền làm chủ

D. Vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia các phong trào

[<br>]

Câu 16. Đâu là một trong những nhiệm vụ của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

A. Phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh tội phạm

B. Giáo dục quản lý đối tượng phạm tội

C. Giải quyết các mâu thuẫn trên địa bàn

D. Duy trì các phong trào của Đảng và Nhà nước phát động

[<br>]

Câu 17. Một trong những mục tiêu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tố quốc là?

A. Bảo vệ an ninh chính trị B. Bảo vệ an ninh biên giới

C. Bảo vệ an ninh quốc gia D. Bảo vệ an ninh lãnh thổ

[<br>]

Câu 18. Mục tiêu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tố quốc là?

A. Bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tài sản nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân

B. Bảo vệ an ninh chính trị, nền kinh tế, văn hóa, tính mạng, tài sản của nhân dân

C. Bảo vệ an ninh chính trị, quốc phòng an ninh, đối ngoại, đoàn kết dân tộc, tôn giáo

D. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, đại đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo

[<br>]

Câu 19. Mục đích của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là?

1- Xóa bỏ các loại tội phạm; 2- Ngăn chặn các loại tội phạm;

3- Phát hiện các loại tội phạm; 4- Loại trừ các loại tội phạm;

A. Nội dung 1 và 2 đúng B. Nội dung 2 và 3 đúng

C. Nội dung 2 và 4 đúng D. Nội dung 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 20. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tồ quốc hoạt động theo hình thức nào?

A. Tự giác, có tổ chức

B. Tự phát, có sự tham gia của các cơ quan chuyên môn

C. Tự phát, có tổ chức

D. Tự giác, có sự tham gia của lực lượng Công an

[<br>]

Câu 21. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tồ quốc hoạt động theo hình thức nào?

A. Tự phát, có tổ chức B. Tự giác, có chỉ đạo

C. Tự giác, có tổ chức D. Tự phát, có chỉ đạo

[<br>]

Câu 22. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tồ quốc giữ vị trí như thế nào trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam hiện nay?

A. Quan trọng, không thể thiếu B. Tiên phong, không thể thiểu

C. Trọng tâm, trọng điểm D. Là điều kiện để nhân dân làm chủ

[<br>]

Câu 23. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tồ quốc đóng vai trò như thế nào trong việc nâng cao ý thức tự giác của đại bộ phận quần chúng nhấn dân?

A. Là động lực quan trọng B. Sự hỗ trợ đắc lực tinh thần tự giác

C. Là hình thức cơ bản để tập hợp quần chúng D. Cổ vũ cho ý thức của quần chúng

[<br>]

Câu 24. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tồ quốc giữ vị trí như thể nào trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội?

A. Giữ vị trí chiến lược quan trọng, là điều kiện cần thiết

B. Giữ vị trí chiến lược, là tiền đề cơ bản

C. Giữ vị trí chiến lược, là điều kiện tiên quyết

D. Giữ vị trí chiến lược, là nền tảng cơ bản

[<br>]

Câu 25. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tồ quốc tác động với các phong trào khác do Đảng, Nhà nước và các địa phương phát động như thế nào?

A. Là điều kiện thuận lợi để phát triển các phong trào cách mạng khác của quần chúng nhân dân

B. Là điều kiện thuận lợi cho phong trào đền ơm đáp nghĩa ở cơ sở

C. Là điều kiện thuận lợi cho phong trào xóa đói, giảm nghèo ở cơ sở

D. Là điều kiện thắng lợi cho kinh tế, xã hội ở cơ sở phát triển

[<br>]

Câu 26. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và các phong trào cách mạng khác của Đảng ở các địa phương, đơn vị có quan hệ như thế nào?

A. Khăng khít, chặt chẽ

B. Chặt chẽ, gắn bó mật thiết với nhau

C. Gắn bó mật thiết để xây dựng kinh tế - xã hội phát triển

D. Cùng vận động quần chúng nhân dân tham gia công tác phát triển kinh tế - xã hội

[<br>]

Câu 27. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giúp lực lượng chức năng có điều kiện triển khai hiệu quả các mặt công tác nghiệp vụ như thế nào?

A. Triển khai sâu rộng B. Thuận lợi vận động tuyên truyền

C. Triện khai đấu tranh rộng rãi D. Thống nhất cao chuyên môn, nghiệp vụ

[<br>]

Câu 28. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm mục đích gì?

A. Phát huy sức mạnh quần chúng bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội

B. Phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với âm mưu chống phá của kẻ thù

C. Phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân ở địa phương, cơ sở

D. Vận động, hướng dẫn quần chúng nhân dân bảo vệ an ninh trật tự

[<br>]

Câu 29. Mục đích xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

A. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các loại tội phạm góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

B. Từng bước xóa bỏ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam

C. Kiên quyết bài trừ tệ nạn xã hội và tình trạng tham nhũng hiện nay để làm trong sạch bộ máy Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

D. Trấn áp các phần tử phản động, cơ hội góp phần làm trong sạch nội bộ Đảng và Nhà nước Việt Nam

[<br>]

Câu 30. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có tính chất gì?

A. Tính xã hội sâu sắc B. Tính chính trị đa Đảng

C. Tính kinh tế to lớn D. Tính nhân dân, tính dân tộc

[<br>]

Câu 31. Đâu là những đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

1- Quần chúng nhân dân được tổ chức thành phong trào hoạt động cụ thể;

2- Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan đến nhiều người và mọi tầng lớp xã hội;

3- Nội dung, hình thức, phương pháp phụ thuộc vào đặc điểm, tình hình ở từng địa phương, cơ sở;

4- Phong trào gắn liền với các cuộc vận động khác của Đảng, Nhà nước và việc thực hiện chính sách địa phương;

A. Nội dung 1, 2 và 3 đúng B. Nội dung 1, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 4 đúng D. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 32. Một trong những đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là gì?

A. Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan đến nhiều người và mọi tầng lớp xã hội

B. Sức mạnh và khả năng sáng tạo của quần chúng nhân dân là rất to lớn

C. Quần chúng nhân dân được tổ chức thành phong trào hoạt động cụ thể

D. Quần chúng tự giác tham gia phong trào nhiều hơn, trực tiếp và tốt hơn

[<br>]

Câu 33. Nội dung cơ bản, quan trọng hàng đầu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là gì?

A. Vận động toàn dân tham gia chương trình phòng chống tội phạm

B. Giáo dục cảnh giác cách mạng, truyền thống yêu nước, đấu tranh với kẻ thù

C. Nâng cao nhận thức cho nhân dân vê âm mưu, thù đoạn của kẻ thù

D. Vận động nhân dân chấp hành và tham gia giữ gìn trật tự xã hội

[<br>]

Câu 34. Nội dung cơ bản, quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là gì?

A. Giáo dục cảnh giác cách mạng, truyền thống yêu nước, đấu tranh với kẻ thù

B. Xây dựng và mở rộng liên kết khối đại đoàn kết toàn dân tộc

C. Xây đựng Đảng, chính quyền, đoàn thể ở đại phương, cơ sở

D. Vận động toàn dân tự giác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

[<br>]

Câu 35. Những vấn đề nào sau đây là nội dung cơ bản trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

1- Vận động nhân dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm;

2- Giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng, tham gia đấu tranh phòng chống mọi âm mưu phá hoại của địch;

3- Tích cực tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

4- Tham gia xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể;

A. Nội dung 1, 2 và 4 đúng B. Nội dung 1, 2 và 3 đúng

C. Nội dung 1, 3 và 4 đúng D. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 36. Những vấn đề nào sau đây là nội dung cơ bản trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

1- Vận động nhân dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm;

2- Giáo dục nâng cao cảnh giác mạng, tham gia đấu tranh chống mọi âm mưu phá hoại của địch;

3- Tích cực tham gia xóa đói giảm nghèo, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

4- Nắm chắc tình hình các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể để xây dựng phong trào;

A. Nội dung 1 và 2 đúng B. Nội dung 2 và 3 đúng

C. Nội dung 2 và 4 đúng D. Nội dung 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 37. Đâu là nhận định đúng khi nói về nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc: Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh?

1- Thông qua phong trào để rèn luyện, thử thách xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức;

2- Xây dưng và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết liên tịch, thông tư liên ngành, các quy chế phối hợp hoạt động giữa công an với các tổ chức đoàn thể;

3- Thông qua phong trào để đóng góp ý kiến cho Đảng, Nhà nước nâng cao chất lượng và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng ngày càng vững mạnh;

4- Đề xuất lồng ghép nội dung, yêu cầu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương;

A. Nội dung 1 và 3 đúng B. Nội dung 2 và 3 đúng

C. Nội dung 2 và 4 đúng D. Nội dung 3 và 4 đúng

[<br>]

Câu 38. Hình thức hoạt động của phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ có ý nghĩa, tác dụng như thế nào trong nhiệm vụ bảo vệ ANTT xã hội?

A. Tập hợp, thu hút, phát huy quyền làm chủ quần chúng bảo vệ ANTT

B. Tập hợp, thu hút, phát huy khả năng của quần chúng nhân dân bảo vệ ANTT

C. Tập hợp lực lượng phòng ngừa, phát hiện đấu tranh trấn áp tội phạm

D. Tạo thể chủ động phát huy quyền làm chủ quần chúng nhân dân bảo vệ ANTT

[<br>]

Câu 39. Để định ra nội dung, hình thức, phương pháp trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trước tiên phải làm gì?

A. Nắm tình hình ANTT, địa bàn cơ sở B. Xây dựng nội dung của phong trào

C. Tham mưu, đóng góp ý kiến xây dựng D. Phòng chống gây rối công cộng

[<br>]

Câu 40. Một trong những phương pháp xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ là gì?

A. Tìm hiểu tình hình, phối hợp hành động B. Xây dựng địa bàn nòng cốt

C. Nắm tình hình, xây dựng kế hoạch D. Điều tra nắm chắc địa bàn

[<br>]

Câu 41. Nội dung cụ thể nắm tình hình trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh TQ?

A. Tình hình các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng

B. Tình hình diễn biến phong trào từng thời kỳ

C. Sơ hở, thiếu sót và thực hiện chính sách

D. Cả ba phương án trả lời trên đều đúng

[<br>]

Câu 42. Nội dung cụ thể nắm tình hình trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh TQ?

A. Vị trí địa lý, nghê nghiệp, tôn giáo, dân tộc...

B. Tình hình ANTT trên địa bàn

C. Tình hình quần chúng chấp hành đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước

D. Cả ba phương án trả lời trên đều đúng

[<br>]

Câu 43. Phương pháp nắm tình hình xây dựng kế hoạch phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ:

A. Nghiên cứu, khai thác tài liệu có sẵn

B. Tiếp xúc, gặp gỡ, thu thập ý kiến

C. Điều tra, khảo sát mọi hoạt động của các tổ chức

D. Cả ba phương án trả lời trên đều đúng

[<br>]

Câu 44. Để đề ra nội dung công tác thích hợp, hiệu quả trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ cần căn cứ vào đâu?

A. Yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, bảo đảm QPAN ở cơ sở

B. Mục tiêu xây dựng kinh tế, phát triển xã hội đơn vị ở cơ sở

C. Vị trí vai trò công tác xây đựng phong trào toàn dân BVANTQ

D. Tính chất, đặc điểm của phong trào cách mạng ở địa phương

[<br>]

Câu 45. Căn cứ để chủ động xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ?

A. Chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng B. Tình hình thực tế ở địa phương

C. Đặc điểm vị trí, địa lý khu dân cư D. Câu A và B đúng

[<br>]

Câu 46. Tìm đáp án đúng khi khái quát trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

A. Mỗi sinh viên phải có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh - trật tự của Tổ quốc

B. Mỗi sinh viên phải tự giác chấp hành các quy định về bảo đảm an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú

C. Mỗi sinh viên phải chủ động, tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự của địa phương

D. Cả ba đáp án trả lời trên đều đúng

[<br>]

Câu 47. Tìm đáp án đúng khi khái quát trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

A. Mỗi sinh viên phải có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh - trật tự của Tổ quốc

B. Mỗi sinh viên không tham gia tuyên truyền, phát tán các tài liệu phản động, văn hóa phẩm đồi trụy…

C. Mỗi sinh viên không tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng

D. Mỗi sinh viên không mang theo chất cháy, chất nổ, chất độc, vũ khí thô sơ đến trường

[<br>]

Câu 48. Tìm đáp án đúng khi khái quát trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

A. Mỗi sinh viên phải tự giác chấp hành các quy định về bảo đảm an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú

B. Mỗi sinh viên phải nhận thức được sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc là trách nhiệm của mọi công dân

C. Mỗi sinh viên phải nhận thức đây là một nhiệm vụ quan trọng để giữ gìn cuộc sống bình yên

D. Mỗi sinh viên phải nhận thức đây là cuộc đấu tranh gay go, phức tạp, lâu dài

[<br>]

Câu 49. Để có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh - trật tự của Tổ quốc, thì mỗi sinh viên phải làm gì?

A. Chăm chỉ học tập và rèn luyện tu dưỡng đạo đúc

B. Gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước và những quy định của nhà trường, địa phương

C. Sinh viên phải tích cực tham gia các phong trào bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương

D. Câu A và B đúng

[<br>]

Câu 50. Chọn đáp án đúng, khi đề cập đến nội dung của việc sinh viên tự giác chấp hành các quy định về bảo đảm an ninh trật tự của nhà trường và địa phương nơi cư trú:

1- Không xem, đọc, lưu truyền các văn hóa phẩm độc hại; không nghe, không bình luận các luận điểm tuyên truyền xuyên tạc nói xấu Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN của các thế lực thù địch

2- Không tự ý thành lập và tham gia các tổ chức chính trị, các tổ chức khác trái pháp luật

3- Gương mẫu chấp hành pháp luật Nhà nước và các quy định về lĩnh vực an ninh trật tự và các quy định khác

4- Không mua bán, sử dụng ma túy; đua đòi ăn chơi; tụ tập đua xe; đánh bạc

A. Nội dung 1, 3 và 4 đúng B. Nội dung 2, 3 và 4 đúng

C. Nội dung 1, 2 và 4 đúng D. Nội dung 1, 2 và 3 đúng

[<br>]

CHUYÊN ĐỀ 11: (40 câu)

Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự ATXH

[<br>]

Câu 1. Luật bảo vệ an ninh quốc gia của Việt Nam xác định như thế nào về quyền chủ quyền của quốc gia?

A. Sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ

B. Sự bất khả xâm phạm đến cá nhân, tổ chức trong phạm vi lãnh thổ quốc gia

C. Sự tuân thủ các quy định Hiến pháp, Pháp luật của quốc gia

D. Sự yên ổn của mọi công dân trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia

[<br>]

Câu 2. Nhiêm vụ quan trọng hàng đầu của chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là gì?

A. Giữ vững ổn định trật tự xã hội B. Giữ vững an ninh chính trị

C. Giữ vững sự an toàn xã hội D. Giữ vững hòa bình, ổn định

[<br>]

Câu 3. An ninh quốc gia của Việt Nam được khái quát theo nội dung nào?

A. Sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ Nhà nước

B. Giữ bí mật Nhà nước và các mục tiêu quạn trọng về ANQG

C. Dụy trì hòa bình, ổn định và trật tự an toàn xã hội

D. Đấu tranh làm thất bại các hoạt động chống phá của địch

[<br>]

Câu 4. Bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

A. Phòng ngừa và đấu tranh với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia

B. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia

C. Phát hiện, ngăn chặn đấu tranh với các hoạt động xâm phạm trật tự an toàn XH

D. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh về tội phạm kinh tế và chức vụ

[<br>]

Câu 5. Mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia là?

A. Là độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

B. Những đối tượng, địa điểm, công trình, cơ sở về CT, AN, QP, KT, KHKT, VH, XH

C. Là những cơ quan Nhà nước ở Trung ương và địa phương

D. Là cơ sở kinh tế, nhà máy sản xuất vũ khí trong Bộ Quốc phòng

[<br>]

Câu 6. Theo quy định của pháp luật Nhà nước, mục tiêu về an ninh quốc gia là gì?

A. Các cơ sở chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học kỹ thuật

B. Cơ sở sinh hoạt của công chức nhà nước

C. Cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp

D. Địa điểm du lịch

[<br>]

Câu 7. Đâu là nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia?

A. Bảo vệ sự an nguy của đất nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh của các địa phương, các bộ, ngành

B. Bảo vệ các công trình trọng điểm quốc gia trên đất liền, trên biển và trên lĩnh vực thông tin

C. Bảo vệ an ninh biên giới, phối hợp có hiệu quả hoạt động bảo vệ an ninh quốc phòng với an ninh đối ngoại

[<br>]

Câu 8. Nguyên tắc quan trọng hàng đầu bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

A. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước

B. Kết hợp nhiệm vụ bảo vệ ANQG và xây dựng, phát triển KT-XH

C. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

D. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh các âm mưu thủ đoạn của địch

[<br>]

Câu 9. Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

A. Quân đội, Công an, Dân quân tự vệ và bộ đội biên phòng

B. Quân đội, Công an, bộ đội biên phòng và Cảnh sát biển

C. Quân đội, Công an, lực lượng dự bị động viên và Cảnh sát biển

D. Quân đội, Công an, bộ đội biên phòng và lực lượng an ninh quốc gia

[<br>]

Câu 10. Nội dung nhiệm vụ nào là cần thiết trong việc bảo vệ ANQG?

A. Kết hợp chặt chẽ bảo vệ ANQG và xây dựng đất nước

B. Bảo vệ an ninh kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích quốc gia

C. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích Nhà nước

D. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và quy định của đối phương bảo đảm lợi ích của tổ chức, cá nhân

[<br>]

Câu 11. Để quốc gia luôn được ổn định, phát triển bền vững cần phải thực hiện tốt nội dung nhiệm vụ nào?

A. Giữ bí mật Nhà nước và các mục tiêu quan trọng

B. Kết hợp chặt chẽ bảo vệ ANQG và xây dựng đất nước

C. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích Nhà nước

D. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và quy định của đối phương bảo đảm lợi ích của tổ chức cá nhân

[<br>]

Câu 12. Quan điểm nào thể hiện tính tích cực, chủ động, kiên quyết, triệt để trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG của Đảng ta?

A. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh loại trừ các hoạt động xâm phạm ANQG

B. Kết hợp chặt chẽ bảo vệ ANQG và xây dựng đất nước

C. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích Nhà nước

D. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và quy định của đối phương bảo đảm lợi ích của tổ chức, cá nhân

[<br>]

Câu 13. Nhiệm vụ hàng đầu quan trọng bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

A. Bảo vệ an ninh trật tự, văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân

B. Bảo vệ an ninh kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia

C. Bảo vệ chế độ chính trị, Nhà nước CHXHCNVN, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lành thổ

D. Bảo vệ bí mật Nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia

[<br>]

Câu 14. Khi phát hiện người, hoặc hiện tượng nghi vấn xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự xã hội thì phải tố giác với tổ chức nào?

A. Quân đội, Công an B. Chính quyền, Quân đội

C. Quân đội, chính quyền D. Chính quyền, Công an

[<br>]

Câu 15. Cơ quan nào có nhiệm vụ chuyên trách trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia?

A. Lực lượng Hải quan việt Nam B. Đơn vị bảo vệ an ninh, tình báo Quân đội

C. Cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm sát D. Các tố chức chính trị của Đảng và Nhà nước

[<br>]

Câu 16. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm:

A. Vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, vũ trang

B. Vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học kỹ thuật, nghệ thuật quân sự, vũ trang

C. Vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, kỹ thuật hình sự, gián điệp, vũ trang

D. Vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, an ninh tư tưởng văn hóa, nghiệp vụ, vũ trang

[<br>]

Câu 17. Để ANQG luôn được ổn định, phát triển bền vững, Đảng ta xác định phải thực hiện biện pháp nào?

A. Biện pháp pháp luật B. Biện pháp kinh tế

C. Biện pháp ngoại giao D. Cả 3 phương án đều đúng

[<br>]

Câu 18. Mục tiêu chủ yếu của công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội là gì?

A. Xây dựng đất nước độc lập B. Xây dựng đất nước thống nhất

C. Xây dựng xã hội phát triển D. Xây dựng xã hội bình yên

[<br>]

Câu 19. Mục tiêu quan trọng nhất trong công tác tuyên truyền, giáo dục Nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là gì?

A. Nâng cao nhận thức chính trị B. Nâng cao trách nhiệm bảo vệ ANTT

C. Nâng cao cảnh giác cách mạng D. Nâng cao khả năng phòng, chống tội phạm

[<br>]

Câu 20. Lĩnh vực cốt lõi xuyên suốt của an ninh quốc gia là gì?

A. An ninh kinh tế B. An ninh tư tưởng - văn hóa

C. An ninh chính trị D. Quốc phòng - đối ngoại

[<br>]

Câu 21. Lựa chọn phương án đúng khi nói về nội dung bảo vệ an ninh quốc gia?

A. Bảo vệ an ninh dân tộc B. Bảo vệ an ninh tôn giáo

C. Bảo vệ an ninh biên giới D. Cả 3 phương án đều đúng

[<br>]

Câu 22. Để bảo vệ an ninh quốc gia, Đảng ta xác định nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu, thường xuyên và cấp bách hiện nay là?

A. Bảo vệ an ninh kinh tế B. Bảo vệ an ninh văn hoá

C. Bảo vệ an ninh tôn giáo D. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ

[<br>]

Câu 23. Nội dung nào là nhiệm vụ chiến lược cực kỳ quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia?

A. An ninh biên giới B. An ninh kinh tế

C. An ninh chính trị nội bộ D. An ninh tư tưởng - văn hóa

[<br>]

Câu 24. Một số nội dung cơ bản của bảo vệ an ninh quốc gia là:

1- An ninh trật tự đô thị 2- An ninh văn hoá - tư tưởng

3- An ninh tôn giáo 4- An toàn giao thông

A. 1, 2, 3 đúng B. 2, 3 đúng C. 2, 4 đúng D. 2, 3, 4 đúng

[<br>]

Câu 25. Nội dung nào là cơ bản, quan trọng nhất trong công tác giữ gìn trật tự, an toàn xã hội?

A. Bài trừ các tệ nạn xã hội B. Phòng ngừa tai nạn lao động

C. Phòng ngừa thiên tai D. Đấu tranh phòng, chống tội phạm

[<br>]

Câu 26. Một số nội dung cơ bản của giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là:

1- An ninh trật tự nơi công cộng 2- An ninh văn hoá - tư tưởng

3- Phòng chống tội phạm 4- An toàn giao thồng

A. 1, 3, 4 đúng B. 1, 2, 3 đúng C. 1, 2, 4 đúng D. 2, 3, 4 đúng

[<br>]

Câu 27. Đảng và Nhà nước ta xác định bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ có tính cấp thiết như thế nào trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc?

A. Nhiệm vụ rất quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta

B. Nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta

C. Nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta

D. Nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta

[<br>]

Câu 28. Thách thức lớn nhất đối với an ninh trật tự xã hội ở nước ta là gì?

A. Những khó khăn về kinh tế B. Hoạt động chống phá của kẻ thù

C. Các nguy cơ thách thức D. Hoạt động tệ nạn xã hội

[<br>]

Câu 29. Nguyên nhân tiềm ẩn các thế lực thù địch nhằm gây mất ổn định trật tự xã hội là gì?

A. Bức xúc, bất bình của Nhân dân B. Ngụy quyền không chịu cải tạo

C. Đảng phái, tổ chức phản động D. Cán bộ bất mãn, tiêu cực

[<br>]

Câu 30. Để xác định đúng đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh trật tự cần dựa vào các căn cứ nào?

A. Nhiệm vụ và đối tượng đấu tranh của cách mạng trong từng giai đoạn

B. Nội dung, yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc xây dựng, bảo vệ CNXH ở nước ta hiện nay

C. Tất cả các căn cứ trên

D. Thực tiễn hoạt động của các loại đối tượng

[<br>]

Câu 31. Một số quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội là:

1- Tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp Nhân dân tham gia chương trình phòng, chống tội phạm

2- Kết hợp nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc

3- Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự an toàn xã hội

4- Giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

A. 2, 3 đúng B. 1, 3 đúng C. 1, 4 đúng D. 2, 3, 4 đúng

[<br>]

Câu 32. Tại sao nói: Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ ANQG và TTATXH?

A. Chỉ có Đảng lãnh đạo mới huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị và của toàn xã hội

B. Chỉ có Đảng lãnh đạo mới phát huy tác dụng của pháp chế XHCN

C. Chỉ có Đảng lãnh đạo mới khả năng để thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân

D. Cả 3 phương án trên đều đúng

[<br>]

Câu 33. Sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội được thể hiện ở những nội dung nào?

A. Đề ra đường lối chính sách trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội

B. Đề ra phương pháp đấu tranh đúng đắn bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội

C. Lãnh đạo bộ máy Nhà nước và các đoàn thể quần chúng thực hiện

D. Cả 3 phương án trên

[<br>]

Câu 34. Nội dung phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong lĩnh vực bảo vệ ANQG và giữ gìn TTATXH được thể hiện:

A. Quán triệt và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các nội quy, quy định về bảo vệ an ninh trật tự

B. Phát hiện, ngăn ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm và mọi hành vi vi phạm pháp luật, những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội

C. Tự giác tham gia các tổ chức quần chúng bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH

D. Cả 3 phương án trên

[<br>]

Câu 35. Tại sao Công an phải là lực lượng nòng cốt trong công tác bảo vệ ANQG, TTATXH?

A. Là chỗ dựa trực tiếp và thường xuyên cho các ngành, các cấp và quần chúng

B. Là lực lượng tập trung giải quyết những khâu cơ bản nhất và hướng dẫn các lực lượng khác thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, TTATXH

C. Là lực lượng tham mưu cho Đảng, Nhà nước về công tác bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH

D. Cả 3 phương án trên

[<br>]

Câu 36. Tại sao trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, ATXH phải kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc?

A. Chúng có quan hệ hữu cơ

B. Chúng có quan hệ biện chứng

C. An ninh quốc gia, trật tự, ATXH được củng cố và phát triển là dựa trên nền tảng kinh tế

D. Cả ba phương án trên đều đúng

[<br>]

Câu 37. Trật tự, an toàn xã hội được giữ vững sẽ có tác dụng gì?

A. Hiệu lực quản lý của Nhà nước được tăng cường

B. Quyền làm chủ của Nhân dân được đảm bảo

C. Cuộc sống của quần chúng nhân dân được yên vui, hạnh phúc

D. Cả ba phương án trên đều đúng

[<br>]

Câu 38. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật nào?

A. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2014

B. Luật Thanh niên của Nước CHXHCN Việt Nam năm 2001, Luật An ninh quốc gia năm 2004

C. Bộ Luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự

D. Cả ba phương án trên đều đúng

[<br>]

Câu 39. Tìm câu đúng khi đánh giá khái quát vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội:

A. Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cụ thể của nhà trường, địa phương để bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH

B. Nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ ANQG giữ gìn TTATXH; tuyên truyền, vận động mọi người cùng tự giác chấp hành

C. Nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực trong đấu tranh với những hoạt động chống đối của của các thế lực thù địch, các hành vi vi phạm pháp luật của bọn tội phạm

D. Tích cực học tập nâng cao kiến thức và rèn luyện toàn diện để trở thành người công dân vững vàng, luôn làm tròn nghĩa vụ và trách nhiệm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

[<br>]

Câu 40. Tìm câu đúng khi đánh giá khái quát vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội:

A. Tăng cường rèn luyện thể lực, học tập tốt môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh góp phần chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

B. Nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ ANQG giữ gìn TTATXH; tuyên truyền, vận động mọi người cùng tự giác chấp hành

C. Nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực trong đấu tranh với những hoạt động chống đối của của các thế lực thù địch, các hành vi vi phạm pháp luật của bọn tội phạm

D. Tích cực học tập nâng cao kiến thức và rèn luyện toàn diện để trở thành người công dân vững vàng, luôn làm tròn nghĩa vụ và trách nhiệm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

[<br>]